



Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:

ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN:

VIÊN LINH

THÀNH PHỐ BÂY GIỜ

để tài chung số này của

NGUYỄN KIM PHƯƠNG
TRẦN HOÀI THU
ĐẶNG ĐÌNH TÔNG
THANH NGUYỄN
LÊ MIÊN TƯỜNG
TÔ ĐÌNH SỰ

Thành Phố, những Thành Phố Văn Nghệ, bên một kinh đô văn hóa chính trị, luôn luôn được chọn, một cách đặc biệt, với một số nhà văn. Nói như Nguyễn Kim Phương trong bài viết nơi trang 5 số này, dường như mỗi nhà văn nhà thơ đều có một tả, hay thường lui tới, một thành phố mà họ yêu mến nhất trong nhiều tác phẩm của họ. Nơi đó không hẳn là quê hương, mà có thể chỉ là nơi ở của một người tình, nơi xảy ra một biến cố quan trọng trong đời họ, có khi lại chẳng là gì cả. Họ đi qua, yêu mến và diễm chán. Thành phố đó sẽ sống với họ mãi mãi, trong tâm hồn cũng như trong tác phẩm < Hà nội có phải của Thạch Lam ? Đờ Sơn của Khải Hưng ? Quí Nhơn của Hàn Mặc Tử ? Thanh Hóa của Nguyễn Tuấn và Nguyễn Bình ? Bây giờ có phải Mai Thảo ưa viết về Hanoi như ám ảnh bóng mộng thiếu thời ? Có phải Thanh Tâm Tuyền còn nghe mãi tiếng động của Thủ Dầu Một ? Có phải Huế là nơi Tuyền Hồng viết mãi và Nha Trang là một phần Nguyễn Thị Hoàng ? Có phải Tuy Hòa thuộc về kẻ đã chết Y Uyên, Đế Thiên Đế Thích của Lê văn Trương không còn nữa ? Có phải Đờ Bàn mà Chế Lan Viên than tiếc, Sơn Tây của Quang Dũng, có phải... có phải... Nhưng Thành Phố Bây Giờ ?

THẾ UYÊN

tĩnh ca của danh giới sống, chết

CAO TIÊU : CÁI CHẾT DƯỚI MẮT CÁC THI SĨ
TRẦN VĂN NAM : GIẤC MƠ CỦA NHẤT LINH

61

thứ năm 9-7-70

ý yên

VÀI Ý KIẾN VỀ THƠ

Ý Yên tên thật Pham Tấn Mỹ Đại Ủy đơn vị hiện tại Trường Thủ Đức Hoàn thành 2 tập thơ, nhưng chưa dám trình diện. Đã cộng tác với Chỉ Đạo, Thơ và Thi Nhân, và Bách Khoa.

SỰ THẬT, tôi tự thấy chưa có đủ nhận định chính xác về Thơ của chúng ta trong những tháng năm này. Bầu trời thì thấp, ánh sáng ít ỏi, cây nào cũng muốn vươn thẳng lên cả, chỉ thích cho mình xanh rờn! Trong khi đó thì nhiều cây mới tạo nên rừng, khu rừng chung của người.

Tuy nhiên, du nhập vào khu rừng đó, cũng rất nhiều khi tôi tưởng như đang hồi sinh, và đây tràn phần khô đi tới nữa. Có những hương hoa rất kỳ dị, nó thâm nhập vào giác quan và tâm hồn mình. Tôi phải công nhận đó là niềm chân thành, và chỉ chân thành mới gây nên Thông cảm. Đã có nhiều áng thơ hay, bắt gặp đây đó, từ nhiều hướng khác nhau; Thơ chưa hề được khôi phục toàn vẹn nhờ riêng một nhóm phái nào, hề nhau đi và công Kênh nhau lên gần vào chỗ trống một bằng hiệu. Bằng hiệu, thì nếu cần, bất cứ ở đâu cũng thấy được, hiệu giấy x, hiệu tạp hóa y...

Thơ đến với người, phải bằng hình thức Bạch văn, đi thẳng vào trí hồn người. Có gây cho nó một không khí bí ẩn là đã nguy hóa nó đi, và chỉ được dịch ra bởi một số rất ít. Thêm vào đó, còn đôi khi đã có dụng ý gán vào đó những hoa hòe hoa sởi, như một thứ kích động làm tuồng, nhưng nhận xét kỹ, chỉ toàn thấy những món trang sức giả.

Người Thơ, là người thì phải sống, sống tha thiết mặn nồng trước đã. Khi những niềm vui, nỗi buồn riêng không chứa đựng hết một mình, ắt hẳn ta phải bày tỏ, phải gửi đi đâu đó, dù vào không gian. Nhưng hẳn phải sống, và chân thành trong trí tưởng. Nghĩ ra từ trước một cách nói cách làm, như một chủ đề theo đó mà giải bày, là anh ta đang gắng sức làm điệu, và ta chỉ nghĩ thấy Thơ bắt nguồn từ đó những giả hình sắp đặt.

Tôi đã đọc những ý thơ nói về cả một đồn binh loay hoay nhộn nhịp lau chùi súng, vì có tin tình báo cho hay đêm nay địch sẽ tấn công! Đó cũng là Thơ chứ, nhưng nó nằm chết và không bay cao lên. Những ảnh hòa châu, người em gái tuyến, giấy gai, được lời ra từ đáy rương cũ, thấy còn mùi băng phiến, có người cho đó là điều mới mẻ... áo quần đang lạnh lặn, xé toang nó ra, lấy ghim dính lại, thất thiêu đi tìm thân phận mình, rên la giận hờn, tôi đã thấy có nhiều «đắng» thơ như vậy.

Loanh quanh như trên, tôi chỉ muốn được nói lên sự cần yếu của niềm rung động chân thành phải có trong Thơ. Còn về hình thức Thơ xuôi, Tự do, Cổ phong... tôi không bận tâm lắm; hình thức nào để giải bày thích hợp ý lòng tòa đáng, cũng đều chấp nhận được.

Anh Tường Linh, tôi đã không trả lời theo vấn đáp sẵn có, mà đi đây đó, mang đến anh những nhận định của riêng tôi về Thơ. Tôi nghĩ rằng, chúng ta đã có nhiều thơ thật sang trọng, thật sống, nếu đã có những tuyển tập được chọn lọc từ nhiều nguồn hướng.

Cũng vì vậy, mà tôi chưa dám in những tập thơ đã hoàn thành. Tôi phải là độc giả của chính tôi: những năm sau bài thơ nào của chính tôi còn làm tôi rung động yêu đời yêu người yêu tôi, tôi sẽ gửi nó đến người và cho đời, tôi không vội vã gì. Cảm ơn anh và những bằng hữu đã theo dõi tôi <

(Trả lời cuộc phỏng vấn về thơ của Tường Linh từ KH 52)

DƯƠNG TRƯ LA

THOISU nghe thuật

ĐẶC SAN QUỐC PHÒNG.

Trung Tướng Vĩnh Lộc, Giám đốc Trường Cao Đẳng CT Quốc Phòng sẽ cho ra nay mai một đặc san mang tên là Quốc Phòng. Ai cũng biết nơi đây qui tụ các sĩ quan cao cấp của Quân lực VNCH... với những khối óc chính trị «lớn». Chắc chắn Quốc Phòng sẽ là một đặc san nặng nề chính trị; và cũng kén độc giả lắm.

Nghe nói dường như Đệ San Quốc Phòng chuẩn bị từ năm qua, đến năm nay mới «ra lò». Chu đáo quá!

ĐẶC SAN THÉP MỚI

Thép Mới là tên của 1 đặc san do khóa 7 Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp tại Đà Lạt thực hiện, sẽ phát hành vào ngày 15-7 này.

Cố nhiên đây cũng là một đặc san thuộc về loại «nặng». Đặc biệt trong đặc san Thép Mới này có cả Bồn báo chủ nhiệm «góp phần». Riêng bia Thép Mới đã làm chú ý mọi người rồi. Đó là một lược đồ vẽ lại trận tấn công của VC vào Đà Lạt hồi tháng 6 vừa qua. Chờ xem.

LẠI ĐẶC SAN

Người đọc vừa thấy trên «thị trường chữ nghĩa» một đặc san của Trường Hạ Sĩ Quan nội dung gồm có biên khảo, tài liệu và văn nghệ rất phong phú. Chủ nhiệm là Trung tướng Linh Quang Viên, Chỉ huy trưởng Trường Hạ Sĩ Quan.

Xin hân hạnh chào mừng đặc san của Trường Hạ Sĩ Quan.

VÕ CỒ TRUYỀN VIỆT NAM

Các bạn thích học võ, nên có ngay một cuốn Võ Cồ truyền Việt Nam, một biên khảo công phu của Lạc Hà, thuộc loại sách tự học võ thuật. Rất nhiều hình ảnh chỉ dẫn đường quyền...

Không biết nhà thơ ưa viết võ thuật của chúng ta, Trần Tuấn Kiệt, nghĩ sao và có đọc Võ Cồ truyền Việt Nam chưa? Nghe đâu Trần Tuấn Kiệt thôi không viết võ thuật nữa, mà đang xoay ra làm báo! Ô, thi sĩ này ghê quá!

NHÀ ĐỒNG NAI SẮP BẮN «SƠN» MỘT SỔ SÁCH

Tin truyền miệng cho hay là nhà xuất bản Đồng Nai sẽ tung ra một loạt tất cả các sách của các nhà văn tên tuổi như Nguyễn đình Thiệu, Nguyễn Huy Long và có thể có cả Nguyễn Vũ, do nhà này ấn hành, ra bán «sơn».

Lý do được nhà xuất bản đưa ra là tình thế sách báo lúc này xuống dốc không thể tưởng, nhà xuất bản đành phải «lâm vậy» để gỡ kẹt. Các

nhà văn nghĩ sao? Hy vọng đây chỉ là tin truyền miệng còn sự thực thì không như vậy! Dầu sao đi nữa nhà Đồng Nai cũng là một nhà xuất bản thuộc loại «bự» của xứ này. Và DTL tôi loan tin này mà hy vọng sẽ là tin... sẽ được cải chính.

NHẠC CỔ ÁNH SÁNG TÁI XUẤT HIỆN TẠI SAIGON

Tom Salisbury, nam danh ca được hoan hô nồng nhiệt nhất trong lần trình diễn «nhạc cổ ánh sáng» mới đây tại Đà Thành, xuất hiện lần thứ hai với một chương trình nhạc mới nhan đề «Vượt trùng khơi 20 giờ ngày 4-7 tại Trụ sở Thanh Niên Đà Thành số 37 đường Hồng Thập Tự Saigon.

Đặc biệt lần này bên cạnh Tom Salisbury còn có nhạc sĩ dân ca VN; Tom sẽ ca bằng tiếng Việt bản Mưa Thu Chết của Phạm Duy và Phạm Duy sẽ ca những nhạc phẩm mới nhất của mình, như: «Khi Tôi Về», «Tóc Mai Sợi Ván Sợi Dài».

Ngoài ra Tom Salisbury cũng sẽ trình bày lại các bản nhạc ngoại quốc nổi danh nhất hiện nay cho các thính giả chưa được nghe lần trình diễn trước. Chương trình gồm các bản chọn lọc như The Beatles «Abbey Road», the «White Album», «Net it Be», nhạc do «The Band», Simon và Garfunkel, Judy Collins, Credence, Clearwater Revival, và «The Letter» của Joe Cocker.

Ngoài ra còn có sự đóng góp của 10 nhạc sĩ thuộc ban nhạc Sư đoàn I Không kỵ Hoa Kỳ, ba nhạc sĩ ban văn nghệ Hoa Kỳ và nhạc sĩ Tây ban cầm Chris Tiedemann, ở Long Bình.

Vào cửa tự do. Thiệp mời được phát trước tại Hội Việt - Mỹ số 55 đường Mạc Đĩnh Chi, hoặc Trung tâm Văn hóa Mỹ số 8 đường Lê quý Đôn, Saigon. (VTX)

TRÌNH CHIẾU PHIM «CÁNH CHIM TỰ DO»

Cuốn phim tài liệu «Cánh chim tự do» do Không quân Việt Nam thực hiện đã được trình chiếu ra mắt báo chí lần đầu tiên vào sáng ngày 1-7 nhân ngày kỷ niệm 15 năm thành lập Quân chủng Không quân tại phòng chiếu phim của Không quân Mỹ.

Đây là cuốn phim cỡ 16 ly có màu sắc thật đẹp dài 30 phút tồn phí chừng 20 triệu đồng do Không quân Việt Nam Cộng Hòa thực hiện với sự cộng tác của Không lực Hoa Kỳ và đoàn chuyên viên Điện Ảnh từ Hồ Ly Vọng sang phụ trách về phần kỹ thuật.

Chuyện phim kể lại cuộc đời binh nghiệp của một sĩ quan Không quân tên Qui. Anh Qui đã nhớ lại cuộc đời mình từ ngày còn là một sinh viên Sĩ Quan Không quân đến lúc hiện ngang trên chiếc phi cơ phản lực F.5 đi tiêu trừ Cộng Sản. Từ lúc Không quân Việt Nam Cộng Hòa chỉ có những phi cơ cũ kỹ lỗi thời, đến giai đoạn chuyển mình, tăng tiến không ngừng với những phản lực cơ tối tân, hoàn bị Vai Đại Ủy Qui do Đại Ủy Nguyễn Sĩ Phú đảm trách.

Mục đích của cuốn phim nhằm trình bày từng giai đoạn trưởng thành của Không quân Việt Nam.

Phần thu hình cho cuốn phim «Cánh Chim Tự Do» đã phải thực hiện thành nhiều giai đoạn để có thể thu được tất cả những cảnh trí tại khắp các căn cứ Không quân và một số làng xóm Việt Nam.

Vai nữ chính trong phim do cô Khánh Dung (Á Hậu Ti Vi) đảm nhiệm (QK-VTX).

NHIỆP ẢNH GIA TRẦN ĐẠI QUANG ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG

Với tác phẩm "Người Lính Chiến" nhiếp ảnh gia Trần Đại Quang của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam chiếm huy chương vàng loại ảnh đen trắng, trong cuộc triển lãm quốc tế tại BRISTOL, Anh Quốc, 11 đến 18-5-1970.

Nhiếp ảnh gia Trần Đại Quang là một y khoa bác sĩ phục vụ tại bệnh viện Chợ Rẫy, và cũng chính tác phẩm "Người Lính Chiến" này, ông đoạt huy chương vàng tại Đại Hàn đầu năm nay.

Trong cuộc thi ảnh hằng năm của Hội Nhiếp Ảnh Hồng Kông dành cho các hội viên muốn lên cấp bậc, hai nhiếp ảnh gia Việt Nam đã được chánh thức phong tước hiệu APSHK. Đó là hai ông Khuru từ Chấn và Lại Hữu Đức của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam.

Buổi lễ cử hành long trọng tại tòa nhà Beaconsfield, Hong Kong, lúc 7 giờ 30 sáng thứ Tư 24-6-70, mặc dầu hai ông Chấn và Đức không đến Hong Kong được.

Nhiếp ảnh gia Khuru từ Chấn cũng được tước hiệu của Hội Nhiếp Ảnh Hoàng gia Anh năm 1969, còn nhiếp ảnh gia Lại Hữu Đức là người Việt Nam thứ 9 được tước hiệu ARPS sau cuộc tuyển chọn ảnh được tổ chức vào mùa xuân 1970 tại Luân Đôn.

Các nhiếp ảnh gia Việt Nam khác đã được ARPS gồm có: Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Mạnh Đan, Lê Anh Tài, Trần Cao Lãnh, Nguyễn Văn Lân, Đinh Bá Trung, Nguyễn Ngọc Hạnh và Khuru từ Chấn.

BÀ PHAN KHẮC SỬU "MẪN" BÁO.

Một nhựt báo mang tên là Dân Quí, do Bà Phan Khắc Sửu đứng tên chủ nhiệm sẽ có mặt với làng báo trong nay mai.

Hần cụ bà sẽ nối tiếp đoạn đường của cụ Ông, một nhà chính trị lão tiền bối, một nguyên Quốc Trưởng VNCH... Dân Quí phải có một sắc thái đặc biệt lắm. Và, đóng góp vào Dân Quí chắc sẽ là những đồng chí của cụ Ông từ lâu nay.

Một nhựt báo đáng đọc, nên chờ...

HAI VẤN ĐỀ CHÍNH YẾU CỦA TRIẾT HỌC

Trên đây là tựa một cuốn sách loại biên khảo của Đặng Hoàng về nguồn gốc của vũ trụ vạn vật và vấn đề sinh tử của con người. Các bạn thích triết học sẽ thích nó lắm, một điểm tiện lợi nữa là sách chỉ dày có 40 trang và giá 50 ti. Rẻ quá với thời giá này.

NEITZSCHE, TÔI LÀ AI ?

Cây bút thường xuất hiện trên Khởi Hành lúc gần đây, Phạm Công Thiện vừa dịch từ nguyên tác chữ Đức "Nietzsche Ecce Homo" ra Việt ngữ. "Nietzsche, tôi là ai?" do nhà Phạm Hoàng xuất bản.

Với Phạm Công Thiện xin khởi giới thiệu dài dòng.

TUẦN BÁO LƯỢT GIANG HỒ

Lượt Giang Hồ là một tuần báo

chủ trương chính trị, văn hoá, xã hội trào phúng do Ông Phạm Giật Đức làm chủ nhiệm với một ban biên tập quen thuộc (!?) Mỗi tuần phát hành vào ngày thứ Bảy-Số ra mắt bạn đọc đề ngày 6-6-70!

Ông Phạm Giật Đức lại vừa đắc cử Hội đồng tỉnh Gia Định, như vậy tuần báo Lượt Giang Hồ ngon quá rồi!

GUIDE PRATIQUE

Học báo với bài dịch ra 16 thứ tiếng của Nguyễn Qui Nhơn, giáo sư sinh ngữ Ý - Đức. Các bạn trẻ thích tự học sinh ngữ nên tìm cho có một cuốn.



ĐẶNG TRẦN HUÂN

BỐN MÙA CƯỜI CỘT

Hai vợ chồng Mina và André Guillois làm nghề sưu tầm truyện cười đã nhiều năm. Năm cuốn tuyển tập cười trước đây của cặp vợ chồng này do các nhà Calmann-Lévy, Plétière, Presse de la Cité xuất bản.

Cuốn tuyển tập truyện cười mới nhất của Mina và André Guillois do nhà Fayard xuất bản mang tên Les quatre Saisons du Rire (Bốn mùa cười) dày trên 400 trang bìa dày giá bán 25 quan.

Sưu tầm truyện cười là công việc mà hai vợ chồng nhà này đã theo đuổi từ hơn mười năm nay. Hai vợ chồng làm việc rất ăy và có phương pháp. Họ đã cắt dán khoảng trên 200.000 truyện cười đăng trên báo chí thế giới rồi phân loại theo từng chủ đề. Người vợ cắt, người chồng viết hay dịch lại để làm hoạt náo viên trên đài truyền thanh Pháp Quốc và nhiều nhật báo, tạp chí khác nữa (ông đã từng là ký giả của báo Canard Enchaîné và L'Equipe). Làm việc đến như thế thật là đáng khen. Nhưng sách chọc cười độc giả được tới mức nào còn tùy sự thưởng thức của độc giả khó hay dễ tinh.

HỘI NGHỊ VĂN BÚT QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HÀN

Tổng thống Đại Hàn Phác Chánh Hy đã khai mạc hội nghị văn bút quốc tế tại Hán Thành sáng 29-6-70. Hội nghị này là hội nghị thứ 37 của tổ chức Văn Bút.

Ông Tổng thống xứ Cao Ly chắc đã khá mệt mỏi về chính trị với những mưu lược, thủ đoạn, biểu tình, kiến nghị — dù rằng có uống rất nhiều sâm cũng còn mệt — nên đã đặt chủ đề cho phiên họp là sự khôi hài tại Đông và Tây Phương.

Trong bài diễn văn khai mạc, Tổng thống Cao Ly dân quốc đã nghiêm trang không cười, dù là cười gượng hay cười mỉa dân, tuyên bố rằng hiện nay cái cười có thể đóng vai trò làm dịu bớt những căng thẳng, bất đồng trong xã hội hiện tại.

Các kẻ chọc cười quốc tế như Charlot, Louis de Funès hoặc quốc nội như Thanh Việt, Phi Toàn hẳn đã thấy mình lên giá.

Trở lại câu chuyện Văn Bút, hội nghị mới khai mạc tại Hán Thành có sự tham dự của khoảng 100 thi sĩ, kịch tác gia, tiểu thuyết gia từ 36 quốc gia trên thế giới tham dự, cũng có

nhiều điểm tự nó là một sự khôi hài rồi.

Về phần Việt Nam, có tới gần 20 mạng hội viên Văn Bút xuất dương để tham dự hội nghị rồi luôn tiện chu du Đài Loan, Hương Cảng, Nhật Bản, ghé Expo Osaka.

Thành phần phái đoàn VN. dự hội nghị văn bút quốc tế có cả nam, nữ để huê xuất ngoại làm 3 đợt. Phía nữ có Nguyễn thị Hoàng và Xuân Nhã. Nguyễn thị Hoàng đi một mình không mang theo chồng, vì chồng bà không thuộc văn bút. Bà Xuân Nhã mang theo chồng vì phu quân là nhà văn Bùi Xuân Uyên. Tân hội viên Trần Dạ Từ mới đầu định mang theo bà xã nhưng cuối cùng Nhã Ca quá bận với các feuilleton nên không đi.

Thành ra thi sĩ họ Trần lại cô đơn hơn tiểu thuyết gia họ Bùi và Bùi Xuân Uyên trở thành kẻ duy nhất trong phái đoàn được mệnh danh là người cây có ruộng.

NANCY KWAN LẤY CHỒNG NỮ

Nữ tài tử Hương Cảng Nancy Kwan, nổi tiếng với những phim Mỹ "Thế giới của Suzie Wong" và "Flower Drum Song" lấy ông chủ khách sạn Peter Pock, rồi lại chán cảnh thay giường đổi nệm của 6 ten nên đã bỏ Peter Pock hồi 1968.

Vừa rồi có tin loan báo nữ tài tử Tàu này lại kết hôn với một ông Mỹ khác tên là David Giler mới có 26 tuổi.

Đám cưới thật giản dị, không có lễ nghi quân cách, không có hai họ um sùm. Có đầu chú rể đi taxi từ South Lake Tahoe tới Carson City thuộc tiểu bang Nevada để làm hôn lễ. Bác tài xế C.M. Olmstead được mời làm nhân chứng cho buổi lễ luôn cho tiện (chắc giá biểu tắc xi phải tăng gấp đôi!). Ông thăm phán đứng làm lễ có tên hơi giống chồng cũ của Nancy, tên Peter Supera <

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC
NGÀY 26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT: 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút

ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Phụ Tá Chủ Nhiệm

HY VĂN

Thư ký Tòa soạn

VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LÂN •
ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN
H. THỐNG • DƯƠNG TRƯỞNG LA

Và
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột

VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên
Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên
Thư ký Tòa soạn • Giá 20đ.
mỗi số • Công sớ giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.



SÁCH 'BÁO MỚI

NÓI TAY. — Độc San Đại Học Luật Khoa Huế, bìa typo, ruột ronéo, do Khởi báo chí Trường này chủ biên với bài vở của Trần Đình Sơn Cước — Bửu Chỉ — Vô Ch — Nguyễn duy Hiền — Lê v Ngăn — Thái Ngọc San — Hoàng thị Kim — Nguyễn mạc Hà. — Ngọc Vinh — Ng. Sơn Nhân — Trần đình Thuyết. Quy Nguyễn. Phụ bản của Bửu Chỉ — Trần đại Hùng.

KIỆN QUỐC CỜ BẢN LUẬN. — Biên khảo của Vũ Tiến Phúc, dày 168 tr, giá 160 đ. Gồm những đề mục như "Khái niệm về người QG — Địa chính và tinh thần yêu nước của người Việt — Chính quyền và chính nghĩa — Hưng quốc tự cường — Vận nước và nhân tài chính trị — Sĩ khí, chính đảng, quốc vận..." — Kiến quốc với ai... v.v...

TRONG NỖI BUỒN THẦM. — Thơ Hà Huy Thanh, Về Nguồn xb. Sách dày non trăm trang Ronéo, do Lê Trúc Khanh trình bày, phụ bản của Vũ Phan Trần.

NGÀN RU. — Lê duy Nguyễn Nhị, Hồn Hoang Phan Thiết xb. dày 40 tr ronéo.

TIẾP VẬN. — Độc San của Tiểu Đoàn 22 Tiếp Vận, số kỷ niệm 1 năm thành lập. Chủ nhiệm: Th. Tá Ng. v Vũ. TKTS: Tr. U. Trần Thanh Nhơn, Dày 64 tr. gồm bài vở của Đoàn Dân. Ng. Quang Bàng, Phú Tài, Bàng Phong...

YÊU TRONG KỶ NIỆM. — Thơ Anh Vũ, trên 100 tr, trình bày đẹp.

TINH THẦN. — Bản nguyệt san thông tin và truyền bá giáo lý của Nhà Tuyên Ủy Công giáo In 2 màu, 64 tr. Chủ nhiệm; chủ bút: Lm Lê Trung Thịnh. Tổng TKTS: Trần đình Ngọc.

TRONG NỖI NHỚ ĐỜI. — Thơ Nguyễn Hoài Vọng, bìa Vũ Phan Trần. Về Nguồn xb. Ronéo. 100 đ.

TA ĐỢI EM TỪ BA MUOI NĂM. — Thơ Vũ Hoàng Chương An Tiêm xb. Sách dày non 160 tr, giá 250 đồng, bìa của họa sĩ Duy Thanh.

Một tập thơ in đẹp, gồm những bài thơ "tình yêu" của tác giả; lựa từ những thi tập đã nổi tiếng trong mấy chục năm nay của Vũ Hoàng Chương: Thơ Say (1940) Mây (1943) Rừng Phong (1954) và cả hai tập sau: Hoa Đăng (1959) và Trời Một Phương (1962). Một tập thơ không nên thiếu trong tủ sách của bạn.

SA MẠC TRƯỜNG CA. — Thơ Bùi Giáng, An Tiêm xb. dày 332 trang, giá 250 đ. trình bày giản dị.

VIỆT LÝ TỔ NGUYỄN. — Thi lý an vi của giáo sư Kim Đình, An Tiêm xb, dày 430 tr, giá 380.

Cuốn sách dựa trên những thẻ chề, phong tục, huyền sử cổ đại nhất của VN. (mà tác giả nói rằng đó là những văn kiện, sử liệu, truyền tích cho tới nay chưa ai khai quật) để tìm ra câu hỏi VN có phải là một "Văn Hiến chỉ bang" không?

LÊ MIÊN TƯƠNG

khí

xa

huế



khí xa Huế tôi nghe buồn quá
con người ta nào phải giống vô tình
dù biết không ai chung thủy mãi
xa Huế rồi bất đắc dĩ mà quên

Huế ơi, cực lòng tôi lắm Huế
thương đưa em dẫu áo học trò
xa Huế rồi, xa em mấy chốc
lành cũng theo chân bước mà xa

nhớ con đường xanh xanh cây lá
sớm mai trong, chiều biếc, tôi hồng
trên cổ ướt em về chân tim
mắt gợn buồn đôi chút móng lung

con đường em thơm mùi pháo Tết
chắc bây giờ phong kín thép gai
thành phố em xây toàn mộng ước
chắc bây giờ mơ ước cũng phai

trên lưng kẻ tù đầy mang ám ảnh
Huế chìm trong mạch nước mùa đông
ở đó anh em mình bất mãn
anh em mình chạy vô ngựa hoang

ở đó anh em mình mơ cách mạng
cho ngàn năm linh hồn đã không đau
cho đường em không trở mình vết chày
cho anh em về tụ hội cùng nhau

Huế ơi cực lòng tôi lắm Huế
con đường nào còn tìm dấu chân qua
mùa trăng lên ngọc hồn cây lá
cây lá bây giờ, cây lá xơ rơ

Huế ơi cực lòng tôi quá rồi
tuy xa rồi tôi vẫn nhớ bao giờ
em ơi cực lòng tôi lắm đó
xa Huế rồi, em cũng phải xa <

Vào một buổi trưa thượng tuần tháng 5, khi đi qua con đường Phan đình Phùng, tôi bắt gặp một hình ảnh vô cùng cảm động, và vô cùng thương xót. Nó xảy ra trên đường phố này, thành phố này. Nó làm tôi thấy rõ thành phố tôi đang trở về, tôi đang lê la, tôi đang buồn, tôi đang uống rượu. Nó làm tôi trở về những ngày tháng buồn tẻ, một môi, và muốn khóc. Tôi đã nhận rõ người góa phụ đau khổ ấy. Tôi nói thực, tôi đã thấy rõ người đàn bà ấy. Nàng không khóc, nàng chạy qua đường, nàng lao vào bánh xe của chiếc xe quan, đen tối, thăm đậm đó. Nàng vùng vẫy khỏi những cánh tay của các ni cô áo vàng. Nàng không khóc. Nàng đang níu kéo chiếc xe trở lại. Và một bề áo vàng, một bề áo trắng một bề vành tang, và ngôi nhà, một tiệm sách nằm bên đường phố, nơi tôi vẫn thường ghé lại, mỗi khi trở về thành phố, đã mở cửa, mở bàn thờ, mở ra tiếng khóc. Đám ni cô kéo nàng vào. Nàng ngã quỵ trên vai một người ni cô. Tóc nàng tung tóe, đôi mắt nàng vẫn tròn trĩnh, nhìn về chiếc xe quan. Anh đi rồi, bỏ em rồi. Sao anh đi... trời ơi. Đám ni cô lại diu nàng vào trước bàn thờ. Chồng em đó, chồng em đó, lạy đi, khấn đi, chồng em hy sinh vì tổ quốc đó, bỏ em và đứa con mới bảy tháng đó, lạy đi Phật gia hộ cho an ổn ở Niết Bàn. Tôi thấy nàng không lạy. Nàng trợn trừng ngó bàn thờ, ngó Phật. Chồng em đó, chuẩn úy mới trình diện đơn vị chưa được mười ngày đó, bị bắt sống đó, bị đâm đó. Hôm nay, người đàn bà trẻ tuổi đau khổ của thành phố đã trở thành như thế đó. Chiếc xe quan đã bắt đầu rồ máy. Tôi vừa đi, vừa chạy..

Tôi nghĩ đến một người đàn bà thành phố đau khổ. Qui nhơn đã có biết bao nhiêu người đàn bà như thế. Mới yêu nhau; kết tóc xe tơ nhau, mới trở về hôn nhau, mới lạy cha mẹ nhau. Mới có đứa con hay đã có đám con dùm dề. Qui nhơn vẫn ăn chơi, vẫn chạy áp phe, vẫn thổi nạt, vẫn những chiếc xe sao trắng buồm khói. xả còi, chở đám con gái đi làm sô Mỹ. Qui nhơn vẫn có những ô diêm, từ hạng sang đến hạng hèn, ở phòng ngủ, khách sạn hay ở bên xe, ngõ hẻm. Thành phố vẫn bình thản với những buổi sáng trời trong, và buổi chiều trời xanh lơ như ngọc bích. Tháng năm, thời tiết bắt đầu nóng bức bãi biển đông người vào bơi lội. Các quán giải khát vẫn mọc lên như nấm, nhạc thời trang, nhạc Hùng Cường hay Trịnh Công Sơn, hay tiền chiến vẫn tiếp tục lướt dài trên con đường phố khuỷa khoát. Qui nhơn vẫn yên tĩnh sống, yên tĩnh ngủ, yên tĩnh tiếng súng. Thành phố vẫn chảy nước, tòa nhà văn hóa nguy nga, vẫn ngày buổi họp xây dựng bình định nông thôn, nhân dân tự vệ, các con đường dẫn vào thành phố bắt đầu ở gà, bần động, hay bụi bốc mịt mù... và dọc các con đường phố chính, lũ con gái diêm, ngồi nhón nhơ trước cửa, mời gọi. Qui nhơn... Qui nhơn.

TÔI nghĩ đến một người con gái, trong thành phố này. Một đêm trăng, nàng khóc bên tôi. Những bài ca nàng hát cho tôi nghe, những nỗi buồn nàng kể. Đêm trăng ấy, nàng gặp tôi với tờ báo đâm đi làm sô Mỹ nàng năn nỉ tôi ký. Nàng khóc kể sự tưng quẩn khi nàng phải nuôi một đứa con không cha. Tôi hỏi tại sao em không tiếp tục làm nghề ca hát cho đơn vị chiến tranh chính trị nữa. Có những người lính cam khổ, đóng ở tiền đồn xa, cần em đến an ủi bằng tiếng hát của em. Em đem tiếng ca xoa dịu nỗi đau đớn của thương binh, em làm con chim nhỏ mùa xuân cho đám lính nghèo đói, bất hạnh... Tôi đã nhìn vào mắt nàng, muốn hôn lên đôi mắt ấy... Sao em lại bỏ đi làm sô Mỹ. Khi ấy nàng cúi nhìn xuống, nửa gương mặt của nàng lênh láng ánh trăng. Tôi thấy những giọt nước mắt long lanh đọng ở trên má... Nàng lắc đầu; lương em ít quá. Lương có 7 ngàn. Mà em cần tiền; cần rất nhiều tiền để nuôi con...

Tôi không nói, Nếu tôi nói, tôi sẽ nói gì bây giờ... Những người con gái của thành phố này, có còn làm đẹp một ngày thanh bình trở lại không. Tôi nhớ đến một thuở nào xa xưa lắm mà buồn. Tuổi trẻ của tôi; trôi qua trong chiến tranh, trong lý cách, trong nỗi tuyệt vọng. Tôi vẫn nhớ đến bài hát buồn trong đêm tịch mịch, tôi vẫn thấy những giọt lệ lăn dài và màu trắng lạnh tâm hồn tôi vào đêm ấy.

Người con gái của một thành phố từng chiến tranh. Con chim của đám lính tiền đồn đã thôi hót. Hồ khoan cũng thôi hồ hụi. Vỗ tay cũng thôi các anh chiến sĩ. Nhảy cùng vui cũng thôi các anh lính thú hát cho to cũng thôi để quên đi tiếng súng trong đêm. Em hát cho anh nghe cũng thôi, đêm trăng đầy nước mắt. Em ca cho anh cũng thôi khi các anh từ rừng núi trở về.

Và mỗi chiều, những chiếc xe buýt dài US ARMY chạy qua những con đường thành phố. Các em nào biết những nỗi buồn của người lính Việt Nam.

ĐỪNG sao đi nữa, Qui nhơn đối với tôi cũng có những kỷ niệm vui buồn không bao giờ phai nhạt được. Tôi là một tên lang bạt, không nơi để tôi tự hào trở lại. Ra đời tại Đà Lạt, chưa tròn tuổi thôi nói, thì đã chạy loạn, theo mẹ về Nha Trang mà sống.

TRẦN HOÀI THU



QUI NHƠN thành phố và người lính

Những ngày bi thảm của tuổi ấu thời trôi qua trong một thành phố biển, sóng và mặt trời. Tuổi nhỏ chưa hề biết mặt cảnh diêu, một con đường làng, lũy tre xanh, hay một đêm trăng già gạo. Mẹ tôi là một người đàn bà bất hạnh. Tôi sống lê la không ai săn sóc. Nha Trang, thành phố ấu thời ấy, đã mang vào tâm hồn thẳng bé, những nỗi thôn thức thơ ngây bi thảm. Tôi đã biết buồn từ đấy. Đó là những ngày xách rổ đi bán hàng vật ở các bến xe, hay lê la vào các động gái, nhìn Tây

Lê Dương bỗng con gái Việt Nam. Đó là những ngày ở trong cô nhi viện (mẹ gửi) sáng chiều đọc kinh cầu nguyện Chúa. Rồi ra Huế, rồi vào Đà Nẵng, rồi Tam Kỳ, rồi đi làm một tên lính thú ở đất này. Hơn ba năm, trôi qua bình yên, nhưng không biết ngày mai súng đạn có chưa không nữa. Hơn ba năm, coi Qui Nhơn như là một người tình thân mến. Đó là nơi tôi trở về sau một chuyến hành quân gian khổ. Đó là nơi an ủi tôi trong khi tôi buồn, vì sự bất hạnh của tuổi trẻ, nỗi chán nản nhẩy nhủ trong người, để quên đi cảnh bất công, hà hiếp, giết chóc mà chiến tranh đã tạo nên. Tôi tìm quên trong các đêm uống rượu với bạn bè, các lần vui này cũng xác thân nhẩy nhủ. Cái chết đã ám ảnh tôi rất nhiều. Bởi tôi là lính, và là lính tác chiến. Và hơn nữa, ở thành phố đó, tôi vẫn có những người bạn đầy khả ái. Ở đây có một quán cà phê cạnh bến xe cũ, giống như một quán ở các hẻm Saigon. Tôi trở về, thường tìm đến đó:

Cố hàng cho xin ly cà phê nhỏ
Tôi uống cho đầy đôi mắt trong
Một mai tôi chết trên trời Bắc
Em làm sao được khóc bên song?

ở đó, những người bạn của tôi, lặn lội, lao đao, râu tóc mọc đầy, sống chui rúc, sống trong bóng tối, như những đứa con bị bỏ rơi của Việt Nam. Tôi thương họ, phục họ, dù sao họ cũng can đảm hơn tôi.

Tôi vẫn phải về thành phố ấy. Thành phố ở nhọc như những thành phố lớn khác. Những chuyến xe khổ cực, đầy thực phẩm, hàng hóa và mồ hôi người, những chuyến xe mang một người lính từ đồn xa, trở lại. Ngày có lương thì ăn chơi thỏa thích. Ngày không có đồng bạc các thì lè la nhìn con gái đàn bà. Tôi yêu những nàng con gái sư phạm, mỗi ngày thứ bảy chủ nhật, tung ra làm đẹp con đường phố. Mỗi năm, là một mùa con gái. Họ đến từ bốn phương trời, mang theo những sắc hoa hương phấn. Và họ lại đi, đột ngột, không lưu luyến không bận tâm. Chỉ còn tôi, một trưa lười lười trên sân phi cảng, gọi là gọi tình theo gió. Tôi nghiệp cho tình đại gia của tôi. Tôi vẫn phải về, ngồi trong chiếc xe lam, âm thầm, qua con đường khu sáu, để nhìn lại một chút Huế tôi xa, chút Nha Trang tôi mến, chút Đà Nẵng tôi yêu. Các nàng vẫn cười rộn, các nàng vẫn làm duyên, các nàng vẫn trở về, và bỏ đi, như một con tàu thô khố. Còn tôi, có lẽ là một sân ga trống vắng lạc loài.

Tôi vẫn phải về, dù nhà giam trong quân trấn vẫn mở cửa chờ đợi. Tóc tôi dài, râu tôi không cạo, đôi giày của tôi vẫn đầy bùn đất, sau một đêm dật dờ đi làm ăn. Đây là ngôi nhà nhỏ ở khu sáu, một lũ bạn nghèo đói, lếch thếch lang thang, xa hương, xa xứ. Còn có những đêm cả bọn ôm nhau nhủ nhủ, nện nện, chửi thề. Còn có tiếng ngâm thơ của Phạm Cao Hoàng trong bài thơ Quang Dũng, còn có tiếng hát của Phạm Văn Nhân. Thế Vũ vang rền cả đêm khuya, còn có Lê Văn Trung nhìn lên bầu trời ngoài khung cửa mà ngâm: Tinh không không cửa không nhà.

Lòng như mây trắng bay qua biển chiều.

Còn có tôi, trở về với máu me đầm đìa áo trận, khi cùng Trịnh Kim Đồng (đã chết ngày 29-3-70) đập phá quán cho voi buồn. Bởi vì chúng tôi không còn làm gì hơn nữa. Ngoài trừ, chỉ chờ đợi, chỉ có mỗi một công việc là vác súng đi hành quân. Mà cuộc chiến cứ mãi kéo dài, như một đêm trường không dứt. Chúng tôi làm gì bây giờ. Đ.M những tên C.S. có phải không. Trịnh Kim Đồng có phải không, những con say, những động đậy, những thằng Mỹ lộng đã, những tên mang lon cao, ngu dốt, nịnh hót. Thành phố này, dành cho những kẻ xa quê hương. Thành phố này, em đứng trên bao lon ngồi trường nội trú; anh ở dưới vườn hoa. Thành phố này, ngày mùa xuân, ta trở về tiếp viện, bị thương, khóc lóc một mình. Ta bao dung nó, thương yêu nó, mà không bao giờ, nó hiểu ta. <

NGUYỄN KIM PHƯỢNG



NHỮNG THÀNH PHỐ VĂN NGHỆ

1. Đường như mỗi nhà văn nhà thơ đều có một cái lui tới một nơi chốn mà họ yêu mến nhất trong nhiều tác phẩm quan trọng của họ.

Không hẳn nơi đó là chỗ quê hương, (chỗ quê hương đẹp hơn cả?) mà có thể đó là nơi của người tình, của một biến cố quan trọng trong đời họ; có khi chẳng là gì cả, họ đi qua, yêu mến và dừng chân...

2. Hà Nội của Thạch Lam! Đồ Sơn của Khái Hưng? Huế của Xuân Diệu? Qui Nhơn (hay Phan Thiết?) của Hàn Mặc Tử? Saigon của Hồ Biểu Chánh?...

Cũng những thành phố đó, bây giờ đây Mai Thảo ưa viết về Hà Nội như một bóng mộng thiếu thời, Nhã Ca viết về Huế như một cõi âm dơi ngày về của đứa con tội nghiệp, Nguyễn Thị Hoàng ưa viết về Nha Trang (giữa Qui Nhơn, Phan Thiết) như một kỷ niệm sôi nổi buồn của ngày hoang đại.

Riêng Saigon dường như đã trở thành... xin lỗi... con diêm chung chạ cho bao nhà văn lớn... kẻ cả lớn tưởng tượng.

3. Tôi ví von Saigon như con diêm, tình thực vì tôi thấy nó đẹp.

Saigon của các nhà văn miền Nam, cũng tựa như Ba Lê của các nhà văn Âu châu. Họ không ghét gọi nó là con diêm, là ô diêm, whore, bordel.

Tôi lấy làm lạ nhà văn Mỹ Hemingway sao ưa Madris của Tây Ban Nha? Arthur Schnitzler Do Thái ưa Vienna của Áo đã đành, vì sống gần trọn đời ở đấy, còn Henry Miller tại sao ưa Ba Lê, khi vẫn sống nhiều ở Big Sur tại Mỹ?

Có lẽ tại đi qua, yêu mến và dừng chân...

4. Tôi không là nhà văn. Ước gì tôi là nhà văn để qua đầu thấy yêu mến là dừng chân...

Tôi là lính. Nhận sự vụ lệnh đến đóng đồn tại nơi ngày xưa Hàn Mặc Tử đã nằm quần quai và chết.

Tôi đóng đồn tại ngoại ô để bảo vệ cho thành phố. Tôi dự rằng tôi không muốn ở đây, muốn đi nơi khác đẹp hơn, như Đà Lạt chẳng hạn, có được không? — Không! Phải ít nhất hai năm tại đơn vị.

5. Thành thử tôi đang ở đây, tại Qui Nhơn này, tôi viết về Qui Nhơn ít giống vậy.

Các bạn vẫn ở đây như Trần Hoài Thư, Lê Quỳnh, Đoàn Dân, và dường như thánh thốt Võ Phiến có vẻ... Họ có thể viết thật hay... Nhưng đó là chuyện khác, con đường họ dài, muốn vào tận trong Văn Học Sử. Còn tôi chỉ viết ghi một lần dừng chân nơi đây thôi. Đời lính sẽ đi hoài cho đến khi quỵ xuống, bọc poncho mới nghỉ hẳn...

6. Ngày mới đến Qui Nhơn tôi hỏi thăm Trần Hoài Thư. Qua Thư tôi quen thêm Lê Quỳnh và Đoàn Dân.

Lúc sau này nghe Thư nói có các bạn làm văn nghệ ra tờ Nhìn Mặt. Nhưng tôi không gặp họ. Làm văn nghệ cái kiểu gì lờ lờ bắt anh em chịu? Yêu quá! Và lại làm văn nghệ mà lờ lờ tôi đã không ưa. Dù nhiều khi tôi cần quay quắt vài trăm bạc!

Trần Hoài Thư tính trẻ như... đứa trẻ. Ưa gì nói vậy. Nhiều khi tôi có cảm tưởng như Thư mang một ảo tưởng về anh. Không sao. Một ngày kia ảo tưởng sẽ hết...

Đoàn Dân ưa xi phê. Anh bảo; mỗi người có một đam mê, đã sao đâu! Tuy nhiên dường như điều thiết thời không chỉ riêng cho anh mà cho nhiều độc giả Bách Khoa vốn mến anh không mấy khi được đọc bài anh nữa. Thì giờ đâu, ai rút xi cho...

Lê Quỳnh của những bài thơ hiền hậu trên Bách Khoa khoảng 1963, 64 nay ưa viết truyện hơn làm thơ. Quỳnh có tính hiếu khách và hiền gần như Phật vậy...

7. Lại, tôi cho rằng Qui Nhơn là mấy người bạn Văn Nghệ đó. Cũng như khi tôi đóng ở Tuy Hòa, tôi cho Tuy Hòa là Trần Huyền Ân, Phan viết Thủy và Y Uyên...

Xét ra là vì cứ mỗi lần nhắc đến một thành phố là anh em chúng tôi nhắc đến một số khuôn mặt ở đấy.

Một đứa trong bọn nhắc đến Quảng Ngãi chẳng hạn, lấy như rằng cả bọn nghĩ đến Hà Nguyễn Thạch, Đĩnh Hoàng Sa. Đến Đà Nẵng là Luân Hoán, Vương Thanh, Huế là Tân Hoài Dạ Vũ, Mùng Mùn. Trở vào: Phan Thiết là Sương Biển Thủy, Nguyễn Bắc Sơn, Phan Rang là Tô Đình Sự, Duy Năng văn văn...

Đã chẳng có người cho rằng Tàu là Lý Bạch, Đỗ Phủ; Ấn Độ là Tagore; Pháp là Rimbaud; Mỹ là Whitman; Anh là Shakespeare; Ý là Boccaccio; Đức là Holderlin; Nga là Dostoevsky, Chekov; Tây Ban Nha là Bazin, Unamuno; Thụy điển là Krag, Lagerlof... đấy sao.

Vậy có lẽ tôi không quá đáng...

8. Tình thực, thành phố thì bây giờ same same với nhau cả: nhà lầu hộp, si ních ba, xe honda, rác rến. Dân thì chủ mục làm tiền hơn làm nghệ thuật (nhiều nơi làm nghệ thuật để có tiền, tuy nhiên hiếm), sống ăn xổi ở thì, tầm bậy tầm bạ, dụng dẫu xấu đó chỉ có cái là lối gi.

Một excuse: chiến tranh mà!

Chán cái mở đời, nên tôi nghĩ cách hay nhất để sống bây giờ là tự tìm một giá trị tự tại, tự mình biết mình, tự mình nghĩ là mình xứng đáng. Nên Qui Nhơn hay đâu tôi cũng nhìn thấy có văn nghệ. <



tổ đình sự

NHỮNG ngày cuối năm và sau đó, đã đi, đã lang thang đã vẩn vơ những hè phố những con đường đã chai lì những góc quán những khuôn mặt không quen đã trở thành thân thích, đã ghi ghi một áo ảnh trong trí nhớ. Những ngày đã đi và bây giờ dừng lại, dừng lại một thành phố không có thành phố, dừng lại một nơi chốn không ước định trước không có những ghi dấu không có những khổ đau một đời đeo đuổi, không có những bóng hình thân mến những tru ái nghìn trùng nhưng mướt, không có như tôi đã âm thầm được chào đời ở thành phố buồn hiu, thành phố tôi muốn nói đến, một thành phố tôi phải luôn luôn trở về sau những tháng ngày bặt ngán sau những quạnh hiu tình người, thành phố rợp những bóng cây, im vắng cái sinh động của thời thượng, khép nép trong dáng dấp thẹn thùa. Cái khép nép cho mãi đến bây giờ, những lần trở lại bằng ước muốn tự nhiên như ăn như ngủ tôi vẫn thêm muốn đi loanh quanh những đường ngõ vắng in những con đường dịu mát những bờ bãi hoang hoang vắng vắng.

Tôi đã lớn lên trong nó, hai mươi lăm năm thân mật, không làm dáng, không ước ao vượt lên, không chùng xuống một mức thấp như ai cũng lầm tưởng về cái thành phố không có tên trong bản đồ, một thành phố cỡ sơ trong ý tưởng mọi người mà chẳng cỡ sơ tí nào. Nó có, những cái đáng yêu những cái đáng nhớ những cái dung dị, tôi định diễn đạt, đã không được, bởi nó đã nằm sâu trong tận cùng trí não tôi, bởi nó là những điều muốn nói ra cho mọi người cùng biết lại chẳng thể nói được. Nói ra cho tròn nghĩa, thật là thật là khó. Bạn bè tôi đến ở với thành phố quê hương tôi, phải đến ở mới được quyền nói, không phải ở một hai hôm mà là một vài giờ, lúc ra đi, đều nói, cái thành phố gì mà hiền khô và dễ thương, dung dị lạ thường.

Dễ thương ở cái bóng dáng văn minh nó lấp ló như kẻ trộm. Dễ thương ở chỗ như tôi đã nói trên, dáng dấp như dáng những nữ sinh quần đen áo dài trắng, tóc ngang lưng, nón lá nghiêng nghiêng. Con gái không đẹp không xấu. Con trai không du thủ du thực, nói thêm, không thể tuyệt đối được. Thành phố nó vậy, nên tâm hồn người dân ở đây bình dị lạ.

Thành phố tôi muốn nói đến, thành phố Phan Rang.

Thành phố tôi muốn nói tới, thành phố cô đơn. Thành phố của một tỉnh được bao bọc bằng sông bằng biển bằng núi. Sông Dinh chảy cạnh thành phố, con lạch thường xuyên mỗi năm, sông Dinh chảy qua cầu Đạo Long chảy xuôi cửa biển Phù Thọ, nước sông hòa lẫn với nước biển, Biển Ninh Chữ, biển Nại, biển Tri Thủy. Nói đến Tri Thủy là nói đến điều khác. Biển mênh mênh, bãi biển im lìm, đông đảo những ngày chủ nhật. Những thiếu thời tôi thích đạp xe buổi chiều xuống Ninh Chữ nhìn biển đón gió và trở về, đi và về đều phải qua núi đá chồng, những đá dựng và chồng lên nhau, những hang động thật tinh tú. Từ Đá chồng nhìn ra thấy Cà Đù, tại sao lại là Cà Đù mà không là một tên khác. Một tục danh có khác. Bờ biển lên núi phải nhờ Tháp Chàm. Di tích của một thời.

Tôi đã có kỷ niệm nên tôi muốn viết về Phan Rang nên tôi luôn luôn muốn trở lại với đời sống của chính nó, tôi chưa hề xa Phan Rang quá 15 ngày trong 25 năm. Hai mươi lăm năm thông thạo làm người. Hai mươi lăm năm lớn lên rồi phải ra đi

hơn ba năm nay, ra đi bằng những năm tháng dài thêm muốn trở lại nhìn ngắm thành phố nhìn ngắm những người tình đã lấy chồng. Nhìn ngắm những bước chân chậm bước khoan thai, những tà áo trắng, làm thơ yêu người con gái chiều chiều bước qua cổng nhà thờ hiền dịu. Sau lưng nâng là gì, là thành phố tôi muốn lúc chết phải được chôn trong nó. Bởi trong nó còn có em đó Bình, còn có G, em, còn có Dung, còn có Mùa Hạ. Bởi trong Phan Rang tôi còn một chân tình khuất mặt, tôi sống trong cái sống Phan Rang, nhỏ bé nhưng lớn lao vô cùng. Tâm hồn của Phan Rang là một tâm hồn phóng khoáng. Tâm hồn Phan Rang vẫn trong sạch dù đã hơn một lần ố uế. Tâm hồn Phan Rang là niềm hiu quạnh gọi tới những ai thích sống một đời thật dung dị.

Phan Rang đáng nói tới là một thành phố không khao khát một văn minh kỳ thú. Phan Rang trong chính Phan Rang là đủ. Muốn nói tới Phan Rang phải nhìn tận mắt Phan Rang bằng con mắt của một người Việt Nam bằng tâm hồn của một người Việt Nam. Phan Rang, một thành phố khác xa những thành phố khác của Việt Nam. Không một thành phố nào giống được Phan Rang. Đà Nẵng có thể giống Saigon một phần. Và Nha Trang có thể là một Biên Hòa. Nhưng Phan Rang là Phan Rang.

Y NGHĨ thật kỳ lạ cho tôi khi viết về thành phố bảy giờ. Muốn viết về Phan Rang hơn bất cứ thành phố nào khác. Muốn viết về tâm hồn của nó, tâm hồn của một trái chín. Một tâm hồn dịu ngọt trong một sắc thái dễ chịu. Đời sống của Phan Rang như chẳng hề có. Thứ đời sống thường nhật. Ngày tháng của Phan Rang là giọt nước chiều một cơn mưa tới chậm trong một ngày hè trên vầng trán đêm. Giọt nước âm thầm tan vỡ trong nỗi nhớ mênh mang. Cái mênh mang của đêm âm âm đến sáng nhờ nhờ. Âm âm cõi sống lắng lại, âm âm cái địa phủ bất bưng. Một mình trong Phan Rang về đêm chậm bước những con đường nói qua (im vắng) muốn ngồi lại để thấy mình lạc vào một cõi không có trên đời sống làm người. Bị phủ dụ vào một định lệ hoang vu giữa đêm phố mờ mờ đến giăng giăng ngọn tỏ ngọn lờ. Dịu thêm một người tình, dịu một lần đủ để lúc xa đi muốn khóc vì thêm đi lại những khoảng trời vắng, tình yêu của Phan Rang, thứ tình yêu cỡ sơ giữa hai người. Tìm được hình ảnh êm đêm này ở đâu, Saigon hay một thành phố, những thành phố tôi đã qua, tôi chưa tìm ra, nên tôi mến và thích và nhớ về Phan Rang nhiều nhất, cái muốn xác định rõ, không phải tại Phan Rang là quê hương tôi. Quê hương chỉ là một đất hứa xa vời vợi. Kỷ niệm và biểu hiện là một với tôi tự nhiên. Một với tôi không với vàng, nếu với vàng thì là phí phạm thời gian và bản tính. Thật từ tốn và ở đó, ta có một đất đứng chân sau những đắng dai với kinh nghiệm làm người.

Phải trở lại cái đất dừng chân, của tôi, là Phan Rang, là một đất không tìm ra ảnh hưởng văn minh cầu kỳ, là một thành phố không cầu nệ hình thức. Cái quý của ngày hôm nay, ở Phan Rang là sự bình thản trong dòng đời hối thúc. Trở lại Phan Rang để tìm lại dấu vết làm người của một tâm hồn khác biệt. Δ

Cái nôn nao của thành phố Đà Lạt chưa dừng đường nổi ý định nín lại của một người khách vừa mới đến. Gió lập đông vào những ngày cuối còn lao xao trên từng chòm lá mơn, xào xạc trên nệm cỏ mỗi bước chân ta qua như những bước chân ai thỉnh thoảng trì kéo, gọi chờ. Không là gì hết khi ta ngồi lại. Trống không, đó chỉ là tấm lá mỏng ta giẫm lên rào rào. Tiếp tục cất bước: tiếng vỗ ngựa lại đầu như sau lưng?: tiếng lạc xạc của những trái thông khô đang thì thầm trên đôi cây sắt mé hay tiếng rít nhẹ của lớp xe trên mặt nhựa đường.

Thành phố gom lại một khu trên cao như một bùm tay khum, co lạnh (lạnh rần đến đầu ngón): cái xôn xao tự trong khoảng đó (trung tâm thành phố) như những tia máu chạy đơn đả nuôi bùm tay kia. Bùm tay khum xê ra những ngón lớn chồn: những con đường bốc lờ búa túa mành nhện lốm đốm như những con nhện no mỗi tơ chết giả. Yêu những con dốc lờ của thành phố như yêu lấy một mối tình của lờ đó thời tuột thơ. Đàng lênh nghênh trên khu phố chính, bỗng dừng ta khựng lạ (những kẻ qua đường ngỡ ta quên sót chìa khóa cửa nhà, chẳng hạn, trong một quán kén nào, hay ta, kẻ đăng trí bỏ gian phòng trống cửa lúc ra đi) v ta mang mang như ta, chẳng khác một con thỉ giả dú dòn trong lòng bàn tay Phật xóc. (?)

Buổi sáng ra (mùa này sương đã bớt) một vùng ngoại ô ngồi trên chiếc xe gắn máy chui trong những hàng cây dày, tôi hát nghêu, buông khói sương từ từ dần dần. Quên hết những muộn phiền của một đêm (đêm trần trở cùng với ước vọng, của người, ước vọng mỗi đời ta truân chuyên như con sâu bò qua tảng đá lạnh). Những con đường của ngoại ô thành phố dần miết kẻ đi xa, kéo gần lại, ve vuốt kẻ đến. Một bên là sườn núi đá rí rướt như con thú không lồ gọi sạch mỗi ngày (bụi bám hàng năm tháng: con thú không lồ chờ đón một ai không bao giờ đến, con thú đa tình đêm ngày vẫn mòn mỏi đợi). Yêu những con đường ngoại ô Đà Lạt như

thanh nguyên



CÓ những ngày nào đó trong quá khứ của thành phố này mà tôi rất thích; tôi ghi nhớ một ngày, một tháng, một mùa trong năm để rồi một ngày, một tháng, một mùa của năm sau cố tìm gặp lại một thoáng gió, một sắc trời, một cảm xúc bằng quơ từ quá khứ. Đó là thành phố này của mười, mười lăm năm về trước.

Một buổi chiều tháng bảy, năm sáu đứa bạn cùng từ trường về, đeo nhau ngắt ngưỡng trên mây chiếc xe đạp và gắn máy; anh bạn sinh trưởng tại miền Nam nhìn theo cơn gió lồng đuôi những tấm lá khô rộng rơi lác đác trên đường, nói: «ai bảo miền Nam không có mùa thu?». Đó là những ngày của bao nhiêu người rời bỏ khung trời xứ Bắc; đó là thời của những khúc nhạc, những văn thơ ly hương xuất cảm từ những tấm lòng sầu xứ... Đai phát thanh cho trình bày những sớm, những trưa, những chiều, âm điệu của mấy bài hát như *Thu Vàng*, *Hương Về Hà Nội*, *Chiều Nhớ Quê* v.v...

Đầu đó tưởng như còn rơi rớt chút thanh âm và màu sắc của miền Bắc.

Một buổi trưa Chúa Nhật trên quảng đường rộng phía sau ngôi giáo đường. Con mưa vừa tạnh; hơi nước quện vào khói xe thành một thứ mù xanh như màu sương của những thuở nào thật xa vắng.

yêu lấy những cánh lá me bay Saigon, những vùng
hiểm bóng cây che rợp thành phố lễ kỷ niệm (?)

Thành phố cao nguyên như thứ thịt ba rọi
(nửa nạc nửa mỡ) nếu kể nạc là những khu phố
và những gì của khu phố, thì mỡ là những tầng
cây, những rừng núi (và những gì của khoảng trời
xanh : cây cỏ lá hoa). Mỡ nạc dính nhau, chuyển nít
như (chẳng hạn) ta đang đứng trên thành một ô cửa
sổ nhà cầu (chẳng hạn), xa kia chấp chùng màu núi
cỏ đại leo trên bờ tường và hoa đại phết vàng dưới
lưng. Người ta bảo Đà Lạt, thành phố của những
nhà văn với sự hoàn thành một tác phẩm, rồi về.
Thời gian ăn nằm bao nhiêu đó đã đủ : thành phố
cao nguyên từ đó, như một người tình đẹp, lẩn
loàng. (?)

Thành phố với những biệt thự nhốt người
(chôn giấu thường hằng nỗi im lặng như một nỗi
chết già) ở lưng chừng con dốc. Vào được vòng rào
bảo kín (biệt thự) gõ cửa : tiếng gió veo veo trên
tường, sấm sập một cách cửa thà quên : tiếng người
vì nỗi đập dềnh của miền tường vu vơ lúc đó.
Những ngôi biệt thự ngói đỏ. Rêu trên tường xám,
đá xanh. Rêu trên bề nổi đá. Hoa leo lung linh trên
thành cửa sổ, trên cổng rào trước cổng (như cái
hoang đại mỹ miều của một mái tóc thả). Từng
căn phòng giống khuôn trong mỗi ngôi nhà : tủ
khoét trong tường (giấu người được trong đó, gọn
lẻ... từ mảnh giấy chuyển trong trứng ngực), lò
sưởi như ngôi miếu nhỏ.

Rừng thông đan vụn (thông thoát) như một tâm
sự không được giấu kín. Tiếng reo ào ào, vì vu :
tiếng ve dờ dờ gọi nhớ (thứ ve chuông to bằng ngón
tay cái tiếng chuông miền viễn trong nỗi nhớ bằng
khung một chuyện đời cũ, một chuyện tình mùa hè
chẳng hạn). Giữa trưa con dốc còn ngút ngàn trên
kia, tạt qua gốc thông ngời tựa. Còn vì vút của
nhạc thông, nhạc ve : giặc ngủ chợp, đưa con dốc
con trôi, thoải mái. Nhặt một trái thông khô, giấu
đi : đó về tặng đứa cháu người tình : adi (Hạnh),
di (Hạnh), trái thông khô nỏ thè như mắt di của
tựa mai, lúc đi nhìn (ông) đó. Ngồi đó và sẽ miền
nghe : một kiếp nào sẽ hóa thân (cây thông vùi vùi)

CAO NGUYÊN, NHỮNG NGÀY SƯƠNG MÙ

đăng
đình
tòng



không như kiếp này. Một mơ ước tương tự (?) :
cũng lẩn lẩn sống, dù vậy.

Thành phố sau cơn mưa bụi (thứ mưa diêm
bạc mái tóc), mây chấp chùng : lúc đó, sương kéo
lưới giăng lờn trên cây, bủa trong thung lũng. Gió
thông lướt trên đồng trống : một chòm thông run
rẩy, lá chĩa như mũi diên (trông chông thường bữa)
nổi cơn. Sương theo gió phủ trên thềm : sương
nhuộm già tuổi đời bằng bụi trắng trên mọi nơi là
đá. Thêm sương, là sương, hồ sương... sương giăng
giây điện quảng...

Ngồi lì (như phở trung) ở Mèkong, nhìn
thoảng kẻ đi đường. Nhạc ? sẽ thừa thừa ở đó, lúc
đó. Nhiều nơi khác (cuộc vui) mới mọc : Trăng,
Trúc, Tinh khôi, Yêu, Mây... Và những chỗ cũ :
Tùng, Phát, Phi nhạn, Thương hải, Tuổi ngọc.
Khách đến mỗi nơi bằng mỗi quyền rũ riêng thăm.
Đến thăm mình trong một thứ nhạc réo rắt và không
tối thì như nhớ một ánh mắt xa xăm nào ?

Khu Hòa bình nhà người dân trong đêm giới
nghiêm muộn. Thành phố, từ đó, như những nhà
mở, đêm đêm. Nổi hải hùng giấu dưới những căn
nhà ở thung lũng đen và đến cho những vùng lũng
hút đó : đạn rớt vào hút hử. Đạn cứ buông rời
từng đêm như ánh lửa đốt trái sương quánh đặc.
Đêm trong cái thú ra của sau nhìn những con rít
lửa (những giải đèn) ngo ngoe trên những đỉnh núi
mờ. Đêm cao nguyên nít cứng người lại trong

chấn : từ đó, như mỗi tuổi trẻ buông rơi theo
những cánh tay gượng yếu mỗi mòn.

Thành phố những ngày cuối năm mang nỗi buồn
trầm của những kẻ xa nhà : nơi tập trung của nhiều
trung tâm huấn luyện nhứt. Thành phố qua tay nhiều
người như một mối tình truân chuyên. Từ đó (?),
những người em gái má đỏ (Đà Lạt) mang tiếng đa
tình trong lòng mỗi khách phương xa (họ mang ấn
tượng đó cả trong lần đầu thăm thành phố). Hoa lạ
đủ mấy mùa ngấm nước chờ khách thăm mê. Hoa
đưa nở những ngày cuối năm như cổ dành lấy hơi
lạnh trước phút rời xa theo tay lữ khách. Hoa đào
lắm tâm diêm đầu cành như những chuỗi sáng l'p
lánh trên tóc tai những màu áo nữ sinh Đà Lạt.

Làm linh thú như động vai thủy thủ giữa mùa
biển động : thuyền sẽ cập bến theo cơn sóng dịu
cuộn. Hoa (giấy) giăng mắc trên cột buồm của những
ngày hội lênh đênh : nỗi nhớ đất (nhớ quê) bằng
khung theo mây là đà về vùng nào xanh thăm.
Những ngày cuối năm như rêu rất thêm nỗi buồn
chùng hẻo xốt xa của mấy năm liền chưa được về
mừng tuổi, chúc thọ Bà ngày hợp mặt đầu năm. Ước
mơ đó tan tác như nỗi chết tằm tức của bà. Nhớ
quê xa trong màn sương phủ mắt mắt nhìn.

Những ngày cuối năm trên cao nguyên còn lẩn
quần chừ (tôi) chia xa cho kịp cuộc hạnh ngộ, còn
sốt lại (tôi) trên một quyết định : về không khi cả
hai tay mình không trống ? <

THÀNH PHỐ, NHỮNG NGÀY CŨ

Một buổi chiều cuối năm có sắc trời xanh biếc,
và một chút gió lạnh gây ảo tưởng một mùa đông
hiền hòa chợt đến...

Mười rồi mười lăm năm qua, tôi cố tìm lại
những ngày, những tháng, những mùa nơi một quá
khứ tương đối gọi cảm đó. Nhưng mỗi một năm
qua đi, với những thất vọng khởi đầu mà tôi quy
lỗi cho những sự chênh lệch bất thường của mùa
màng, thời tiết, đến một lúc tôi chợt thấy là những
hình ảnh cũ đã rời xa biệt. Cũng có thể đó
là vì những đổi thay của đời sống tâm lý trong tôi
— có thể cái nhìn của một người mười sáu mười
bảy tuổi với cái nhìn của cùng một người ở lứa
tuổi ba mươi hay hơn nữa, mỗi giai đoạn mới chất
chứa những cảm xúc dị biệt. Tôi nói
"có thể" vì biết bao người thường vẫn
nhìn cuộc đời bằng đôi mắt và những
cảm nghĩ không hề đổi thay. Ta cứ tưởng tượng
những tên du mục già trợn cười đời nơi sa mạc
quạnh hiu, nhìn những cồn cát trắng mềm mòng
từ tuổi hai mươi và trước nữa cho đến ngày tận
cùng của một kiếp người.

Cũng có thể chiến tranh và những thúc bách
của cuộc sống hàng ngày không thừa rộng lượng
để mỗi người dừng lại những con tính và tự cho
phép mình lười biếng với tâm trí trong khoảnh khắc,

Có thể vì nhiều lẽ khác...

Nhưng từ một chuyến đi xa rồi trở về, ngồi
trên phi cơ nhìn xuống thành phố cũ với vòm khói
bụi một mù giăng kín, tôi có cảm nghĩ như
mình vừa khám phá ra một điều gì thật khủng
 khiếp, thật ghê rợn. Cái thành phố từ trên cao
trông xuống với chỉ chít những ô vuông bên
dưới bây giờ đã là một cái bộ máy. Như
một thứ chu lưu của huyết quản trong cơ thể,
thay vì những hồng huyết cầu hay bạch huyết cầu
từ châu thân chảy về tìm rồi lại tỏa ra khắp các tế bào,
những giòng xe đều đặn mỗi ngày mang người ta
đến các công trường sửa, trường ốc... Sáng đưa đi, trưa
nhả về rồi lại đưa đi... Và những kẻ sống cái nghề
gọi là tự do cũng chẳng khác nào những vi khuẩn
trong một cơ thể khép kín — vì thành phố ngày
trước bây giờ đã trở thành một thứ cơ thể với
nhiều bệnh hoạn được gói trong một bọc da.

Một bên sông mà những buổi chiều đã xa
người dân đô thị lười đi chuyển khỏi thành phố
có thể đến tìm một cơn gió mát thì từ lâu trở thành
khu vực bất khả xâm phạm của những chiếc tàu
chiến. Nơi nào không có bóng dáng của chiến tranh
thì người ta đã dựng lên những nhà kho, những
cao ốc bốn bề được bít kín bằng bê tông cốt sắt để
phòng ngừa những vụ nổ vì phá hoại.

Một bãi cỏ rộng thênh thang đối với cái thành
phố đã thiếu màu xanh tươi của ngày đó từ lâu
cũng đã trở thành khu quân sự với những lô cốt,
tháp canh, với những nẻo ra vào bắt buộc người ta
phải xuất trình giấy tờ, chứng minh thư...

Tôi từ một miền xa có biên rộng, có sông dài,
trở về nơi đây để cảm thấy rợn rợn khi phải thấy
những bạn bè hiền mấy tháng trời không xê
dịch một bước khỏi cái lộ trình thường nhật — từ

nhà đến sở, từ sở đến nhà. Cứ như vậy hết ngày
này sang ngày khác. Nếu có ngoại lệ thì đấy chỉ là
những lần ra phố mua sắm cho vợ con, những lần
đi xem ciné. Tôi nghe nói vì thiếu những bài cơ
những công viên đầy ánh sáng, nhiều kẻ "yêu" nhau
đã tìm vào bóng tối của những rạp ciné hoặc những
phòng trà để hẹn hò và nói lời yêu đương. Hóa ra
tình yêu bây giờ đã có những giá biểu!

Nhưng từ hôm những trái đạn hóa tiễn từ bàn
tay địch ở ven đô lại nhiều phen đem kinh hoàng
về thành phố, rồi với những vụ lên đường xuống
đường tranh đấu vì những vấn đề này hay vấn đề
nọ, cái lộ trình quen thuộc của những người bạn tôi
quen cũng đã bị cắt ngắn đi rất nhiều ; họ không
sốt sáng đưa vợ con đi phố mà cũng ngại đi ciné.

Ngày tôi còn ở quân trường, những lúc rảnh
rỗi, người ta giao cho chúng tôi làm tạp dịch ; quét
sân, đào hầm đắp ụ để không còn thời giờ mà chán
chường hay nghĩ ngợi vẩn vơ. Người ở thành phố
không bị bắt buộc phải làm tạp dịch như những
anh lính mới. Nhưng họ có một thứ tiêu sầu khác :
ăn bận theo thời trang, xem vô tuyến truyền hình
và ăn uống. Dĩ nhiên sẽ không ai nghĩ rằng đó là
những thứ bị bắt buộc — "tôi thích thì tôi làm !"
Nhưng nói như thế thì cũng chẳng khác nào bảo
rằng một anh nghiện á phiện sẽ đi hút á phiện vì
anh ta thích hút á phiện. Tôi còn nhớ một câu tục
ngữ nước Tây Ban Nha vì thói quen với những
giấy xiềng giấy xích.

Tại một phiên tòa tôi đã có dịp chứng kiến
một phạm nhân ngắt xiềng khi anh ta bị tuyên án
mười năm cấm cố. Biết bao kẻ vẫn thản nhiên sống
cố định tại một góc đường hay khu phố trọn một
đời người !

(Xem tiếp trang 15)



dạ mật

Cõi chiều chuyển cuối, hư không
Hồn treo biển đợi trời hồng rạn xa
Nhà nhem... một cuộc đời ta
Chân như phách thể gian tà tấm thân

Trở về giáp mặt, phân vân
Trăm năm nhấp bần một lần hát hơi
Trăm năm, ngày dạ mật chân đời
Hoàn tri kiếp kẻ đầy voi tình người

Soi ta, kéo xích môi cười
Gương bày mặt nhạt buồn phôi cõi hồn
Ngậm lòng một cuộc, bốn chôn
Sầu ta kín mãi hiền môn chân mưa

Một mù cảnh sắc sau xưa
Cứng thân tượng gỗ chờ, chưa nhập thần
Sống mãi nhân cuộc ly thân
Xác ngay bóng ngả thể dần hồn thiêng

Cõi ta kẻ dữ người hiền
Nhân gian dạ mật oan khiên một đời

kẻ đào ngũ

Buổi sáng soi gương và đội mũ
Lông đã hồ nghi khuôn mặt quen
Dấu vết riêng nào trên nhân dạng
Đã hằng hằng không tuổi không tên

Chân bước ra đường luôn chạm mặt
Những bàng hoàng trên nhan diện ai
Sống nửa đời người chưa dám chắc
Chân dung ta trung thực bao phần

Nền nhiều lúc tâm thần chấn động
Một kẻ nào ăn dạn, âm mưu
Hồn ta giảo hay giòng chính thống
Mặt đậm đậm đường nét hư vô

Những đôi đập ngày đêm bấn loạn
Trần phảng phất đây sống muộn phiền
Thân chống bộ xương ròn hừn hân
Hồn mang ảo giác kẻ tham thiền

Ngực sống đã mơ hồ nhịp đập
Tìm trong tay kẻ lạ âm thầm
Cõi nào phân chia miền tranh chấp
Thân vô cùng rạn rụa mối thương tâm

Ta bắt gặp ngoài ta hình bóng
Những đường quen nét thuộc hàm hồ
Kẻ đào ngũ lầm lì, ngập ngọng
Nhân nhạ trong cơ thể hồ đồ

Kẻ đào ngũ, chính ta trong hân
Ngực đường như đập nhịp ai xa

Nhà văn Thế Uyên từ nay khởi sự viết một loạt về bốn người làm nhạc của thế hệ hiện chiến: Lê Uyên Phương, Miên Đức Thắng, Phạm Duy và Trịnh Công Sơn. Đây không phải là một bài phê bình nhạc theo quan niệm cổ điển, cũng không phải một bài luận thuyết về bất cứ thuyết gì. Thế Uyên, đưa vào nhận định « nghe nhạc là nghe chính quá khứ của mình, bằng kinh nghiệm riêng tư của chính mình », đã chọn lựa rất chủ quan bốn người làm nhạc anh thích nhất trong những năm gần đây, nói về họ bằng quá khứ và suy tư rất riêng tư của mình. Và đây cũng là thứ bất pháp anh hay sử dụng trong những năm gần đây, trong hầu hết các bài văn đã viết ra.

C UỐI mùa mưa năm ngoái, tôi và Thi trở về Đà Lạt thăm mẹ sau một thời gian xa cách. Chiếc xe của hãng hàng không thả hai đứa xuống ga xe lửa vào buổi trưa, trời có nắng, thành phố miền núi này vẫn quen thuộc, êm ái vô cùng. Và như thói quen thiết lập kể từ khi nhà ga thành phố biến thành trạm đi đến cho đường hàng không, hai đứa sang hàng phố ngay kế bên, ăn bất phở trong không khí lạnh đã lâu lắm mới được hưởng. Tôi không vội vã đi đâu, về đâu cả. Một người bạn văn tôi mới in xong một tập truyện có nói sẽ xách một cái jeep tới đón tại nơi này — cả anh lẫn xe đều không thấy đâu. Nhưng tôi không có ý chờ đợi, cả anh bạn ấy hay bất cứ ai. Thành phố này là nơi yên nghỉ của tôi, không gian thích hợp để tôi thu mình vào: làm nhà văn viết văn là mở rộng mình ra với thiên hạ, tổ chức tranh đấu này nọ là một cách thức mang thân mình ra đánh một trận chơi lớn với cuộc đời, còn là mở rộng mình ra hơn nữa. Ngoài trời, nắng vẫn đẹp và trong trên lớp đá lót đường, bên trong tôi đã uống cạn ly cà phê, không ngon gì nhưng thích thú. Một chuyến đến đây ý, như hai đứa tôi dự sẽ sống ở thành phố này: không chương trình thăm viếng bất cứ thác nào, không tiết mục họ hàng thân thuộc, và một bạn thân hiếm có ở nơi này, thì trưa mai sáng ngày kia sẽ gặp, vào lúc nào chẳng được. Cứ từ từ, tùy hứng mà buông thả mình vào những con đường có mọc cao hai bên; những cây thông nâu, không khí lạnh. Con người tôi sẽ thu dần lại được, giản dị như thế.

Bởi vậy, tôi quả thật buồn bực khi biết nhà văn có cuốn sách mới xuất bản kia dự trù một buổi sinh hoạt tại hiệu sách Nhân Văn để era mắt cuốn sách của anh với bạn bè nơi này. Và dĩ nhiên là tôi bắt buộc phải có mặt, ít nhất với tư cách của người xuất bản... Mà lúc này, tôi đang muốn tôi không là cái gì hết ngoài tôi. Làm nhà văn, làm nhà xuất bản, làm linh, làm người tranh đấu lãng quăng hay nghiêm chỉnh, làm cái gì cái đó cũng là một hoàn cảnh nó làm đóng đặc, sống tôi lại trong một vỏ ốc đáng nào đó, vai trò nào đó — những người chung quanh tôi đòi hỏi, xã hội của con người đòi hỏi và tôi phải đáp ứng tối thiểu, nếu không muốn bị thiên hạ tưởng tôi đã đến lúc cần lên an dưỡng ở dưỡng trị viện. Tôi không thể khước từ lời mời tham dự phiên họp văn nghệ ấy của người bạn, và điều đó có nghĩa là tôi phải làm nhà văn. Nhưng có một buổi tối thôi, thì cũng được. Tôi còn dư thì gian để chẳng là cái gì khác ngoài một đôi trai gái lang thang trên các con đường dốc, là la các quán ăn, quán cà phê xứ này.

Vì thời gian gấp rút — hình như người bạn sắp phải đi công tác xa thì phải — hai đứa tôi ngồi luôn trên xe jeep trong khi anh bạn đi mời bạn bè tham dự buổi sinh hoạt. Xe chạy tới địa điểm này địa điểm kia, anh bạn cứ vào mời, còn tôi cứ đứng dựa vào mũi xe hút thuốc ngắm cảnh chung quanh: tôi chưa hề biết rõ thành phố này bao giờ và góc cạnh nào của nó, dù chỉ một cây hoa cánh bướm mọc le loi cạnh một bức tường vôi; cũng làm tôi thích thú. Vào một lúc nào đó, anh bạn nói với tôi: «Bây giờ đi mời vợ chồng Lê Uyên Phương, cặp đó hát hay lắm P. Tôi nghe một cách lo lắng bởi vì đã từng tham dự quá nhiều buổi văn nghệ ở tỉnh xa, cái tên xinh xắn Lê Uyên Phương không làm tôi nghĩ tới điều gì khác hơn là một đôi vợ chồng trẻ, chồng làm giáo sư hay quản nhân cấp ủy phục vụ ở tiểu khu, vợ là một nữ sinh Bùi thị Xuân hay Đồng Khánh. Cả hai cùng hay hát khi còn đi học và bây giờ còn hát tại từ cho bạn bè nghe trong những dịp họp mặt. Không là gì khác hơn một giọng ca ngoan, hơi dẹt dẹt với thoáng hồng

trên đôi má. Tôi đã nghĩ như thế khi trước xe ngừng ven một con đường nhỏ dẫn lên Viện Đại học, trước cửa nhà của đôi vợ chồng sau này được gọi tên người con gái là Lê Uyên VÀ Phương, một con nhà gỗ làm theo kiểu thông dụng khá dễ thương ở miền núi này với vài ba cây mận rai rác trên sân đất đỏ. Hai vợ chồng đã về Sài-gon và buổi sinh hoạt buổi tối đã diễn ra như tôi nghĩ: một bầu khí... khi hơi quá nghiêm chỉnh để có thể gọi là vui và tôi cũng đáng làm cho xong vai trò người xuất bản trong những giọng ca ngoan, hơi dẹt dẹt của người nữ sinh Bùi thị Xuân. Xong phần tối thiểu, tôi kể Thi, hai em gái và T. Lăng, mượn luôn chiếc xe jeep của người bạn lái đi lang thang. Định đi ăn bánh cuốn nhưng chưa ai đi, Lăng kéo luôn tôi một quán mới mở ở đường HD do chính đương sự lãnh phần trang trí. Trời Lối mưa bên ngoài, trong căn phòng dài nhạc ồn ào, tôi nhấp nhấp một ly rượu pha, nghe một cô ca sĩ mà bạn tôi thường gọi đùa là cô Hủy Thế hát bài «lưu con tàu đi» và những bài tình ca khác nữa, những cung điệu quen thuộc, ồn cổ.

« Những bản tình ca, những cung điệu quen thuộc, ồn cổ... », tiện câu văn thì tôi viết như vậy thôi. Thực ra, chỉ có những bản tình ca của mỗi thời kỳ, những cung điệu quen thuộc cho từng cá



nhân. Những bản tình ca của người trên tôi một thế hệ hay hơn có thể là «Trương Chi», «Thiên Thai» của Văn-Cao, «Biết Ly» hay «Tạ Từ», nhưng chắc khó mà có thể là tình ca cho người cùng lứa cho tôi, dù nghe vẫn thấy đó là những bản nhạc hay. Chim đắm trong khói thuốc, men rượu, tôi lắng nghe các lời ca điệu nhạc, tôi nghĩ rằng có lẽ tình ca bây giờ là tình ca Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Từ Công Phụng, Vũ Thành An. Và tôi tưởng rằng những người làm nhạc ấy có lẽ đã khai triển và đưa ra âm thanh tình yêu của thế hệ hiện chiến một cách gần đây đủ — trừ một thứ tình yêu nào đó.

Đó là thứ tình yêu của những người tiếp giáp với cái chết, thường trực ở danh giới của sự sống và sự chết. Với cuộc chiến tranh này, bao nhiêu người đã và còn đang ở vị trí danh giới ấy — người ta yêu nhau trong an bình và ồn cổ, hẳn không thể giống thứ yêu nhau khi người đàn ông biết rằng sáng mai khi mặt trời trở lại, mình sẽ trở lại chiến trường. Nghĩa là vào vị trí danh giới đó. Còn người đàn bà, khỏi cần viết nhiều cũng có thể biết một buổi thả hồn dâng với tương lai vững chắc khác hẳn một dâng hiến cho người tình rời mình vào lúc bình minh có thể là rời vĩnh viễn. Làm nhà văn, tôi đã dùng chữ và giấy diễn tả nhiều lần thứ tình yêu trong vị trí danh giới ấy, nhưng chỉ là những diễn tả bằng ký hiệu, cách bức... Thơ dốt cách bức hơn, nhưng chỉ

đỏ hơn thời. Chỉ có âm nhạc, qua các âm thanh sắp xếp, mới chuyển được tình cảm đi trực tiếp hơn. Thế mà đã từng nghe hầu hết các tình ca hiện đại, tôi không thấy tình ca nào diễn tả thứ tình yêu danh giới sống chết ấy — trừ một vài bài vài đoạn trong nhạc của Trịnh Công Sơn làm tôi thấy thấp thoáng ít nhiều...

Tôi không ngạc nhiên về tình trạng này. Phải lắm vào, phải ở trong hoàn cảnh danh giới, ít nhất trong một thời gian với toàn thể tâm hồn thể xác mình, mới biết được ý thức được — giai đoạn đầu tiên và cũng là tối cần cho sự diễn tả trình bày về sau. Những người làm tình ca bây giờ, những Vũ thành An, Từ công Phụng và cả đến Trịnh công Sơn, chưa có ai sống qua một khoảng đời mình trong vị trí bất bình sống chết ấy. Làm sao mà đưa vào âm thanh, vào tình ca.

Cũng vì suy nghĩ như thế nên ít lâu sau, một buổi tối trong Hầm Gió, một quán cà phê tôi và Thi hay lui tới, tôi chú ý tới vợ chồng Lê Uyên Phương ngồi ở cuối quán khi người bạn tôi cho biết người chồng mắc một chứng bệnh nan y không biết sống chết thế nào, và như thế từ nhiều năm rồi. Nhưng chú ý vậy thôi, không nhiều lắm và buổi trình diễn đầu tiên của hai vợ chồng đó, cũng tại quán này, tôi và Thi đã quên đi không tới... Một thời gian sau, một buổi tối người bạn chủ quán để lại tape nhạc ghi lại vài bài của Lê Uyên Phương trong buổi trình diễn ấy.

Ngay từ những đoạn âm thanh đầu tiên cất lên, chẳng biết là bài nào nữa, tôi đã ngạc nhiên và xúc động. Những tình tự chất liệu nguyên, hoang sơ như một đám cỏ tranh trên đồi, những xúc động nguyên thủy của nam nữ, tất cả qua một giọng ca của một người nữ như còn run rẩy trong cơn làm

yêu nhau, không phải như bất cứ người nam vô danh người nữ vô danh nào khác, mà của một người nam và một người nữ. Một thứ tình duyên tạm bợ vì cái chết chắc chắn bay bổng trên cao đe dọa — khi nào đám mây đen đó chụp xuống? Một sự phơi bày tình yêu riêng tư trần trụi nhất, không một e thẹn nào. Và cũng không phải thứ tình yêu trình bày phiến diện, nghĩa là chỉ nói chỉ diễn tả những trạng thái tâm hồn, xúc động tình cảm của yêu đương. Đây là thứ tình yêu đủ, tình yêu tròn, trọn vẹn, nghĩa là sự rung động của xác thịt, của thân xác được đưa lên, nâng lên đúng vị trí của nó trong cuộc đời của con người. Trong «Vũ trụ của chúng ta», Lê Uyên đã không làm gì khác hơn là ghi lại, diễn tả cuộc làm tình của hai người với tất cả các giai đoạn chính của nó.

theo em xuống phố trưa mai
đang còn nhức mòi đôi vai
theo em bước xuống cơn đau
bên ngoài nắng đã lên mau

Đó là giai đoạn chốt của cuộc làm tình, người đàn ông đã rời nhưng không được yên nghỉ vì nắng đã lên, hai người phải trở về với cuộc đời thường nhật sau khi đã hiến dâng cho nhau, đam mê nhau với tất cả con người mình:

cho nhau hết cả mê say
cho nhau hết cả c...a cay
cho nhau chất hết thơ ngây
trên cánh môi say
trên những đôi tay...

Sự trở về của người nam và người nữ sau đó dĩ nhiên chỉ có thể là «...bước về tình buồn». Nhưng trưa nay, tối nay, ngày mai, hai người lại hòa thân xác vào nhau, xông vào nhau để tìm một sự trở thành MỘT NGƯỜI. Lưỡng nghi cổ tìm đường trở thành Thái cực, nhưng đó là một sự thất bại biết trước. Âm và Dương, như trong biểu tượng mà Đông phương đã trình bày, chuyển động xoay tròn xoắn vào nhau, nhưng không bao giờ hòa vào nhau được — bởi vì có đạt được như thế chẳng, thì sẽ là ngưng mọi chuyển động, là thái cực hiểu theo nghĩa phương đông, là cái chết, là chấm dứt sự sống. Nhưng mỗi lần có thêm một đôi lứa yêu nhau tuần thế gian, dù cả hai cũng đạt tới khoái lạc cực điểm cùng một giây, cả hai có cố mở mắt thật lớn để nhìn vào nhau, thì đúng vào giây đó, chỉ còn cách MỘT NGƯỜI tưởng như một khoảng rất nhỏ nữa thôi, hai người liền bùng lên tan biến, tan biến cả hai: tôi không còn hiện hữu và người tôi yêu cũng không còn hiện hữu. Để rồi sau đó chỉ còn là «... tình buồn chông chênh lẽ thê». Nhưng cuộc hành trình thất bại từ trước khi khởi hành ấy lại phải bắt đầu lại — trừ phi đã hết yêu nhau. Và như vậy thì:

ta sống trong vũng lầy, một ngày vùi dần
còn vài sâu, còn vài sâu
trong ngao ngàn không dứt cơn e chề...

Cuộc đời của đôi lứa nam nữ yêu như một thứ «đam mê vô ích» ấy vẫn tiếp tục mãi mãi dưới ánh sáng mặt trời, cho tới vĩnh cửu. Tôi hiểu Lê Uyên, tôi hiểu tâm trạng ấy: cái chết đang đe dọa và người yêu thì còn kia. Phản ứng của người nam trong hoàn cảnh ấy là muốn tìm qua sự hiện hữu của người phối ngẫu kia sự trường tồn, sự sống của chính mình. Tôi nghĩ và hiểu như thế vì đã hơn một lần, tôi ôm người yêu trong tay, nhìn qua khung cửa nhìn chân trời đã hừng sáng mà lo ngại bởi vì nắng mà lên đã cao, tôi sẽ theo quân vào rừng. Có thể hiểu như thế là hiểu sai chăng, nhưng điều đó không quan trọng bởi vì nghe nhạc, thường là nghe chính quá khứ và bằng quá khứ của chính mình.

Còn người nữ trong tình ca Lê Uyên? Tôi mới nói về những gì tôi nghĩ tôi cảm thấy như là một người nam và mới chỉ đoán về những cảm nghĩ và xúc động thân xác của người nữ. Tôi hỏi Thi, người nữ của tôi và nàng đã nói nhiều điều tôi không thể ghi lại hết, bởi vì đó thuộc về «tình ca riêng của hai đứa» và tôi không hề muốn phơi bày hơn nữa. Nhưng tôi có thể ghi lại một nhận xét của nàng: «Người nữ, trong tình ca Lê Uyên, đam mê

TRÌNH VĂN CHUÔNG



nói với phan thiết

Mai mỷ có về Phan Thiết

nhớ chuyện giùm tao lời thăm thành phố
thành phố mận mà như môi con gái dậy thì và
yêu kiều như dáng người em Phan Bội Châu
mỗi chiều tan học

Thăm những con đường Gia Long — Nguyễn
Hoàng — Trần Quý Cáp gây mòn véc dáng V.N
Thăm dòng sông Mương Mán như đời con gái lơ
làng yên phận

Mai mỷ có về Phan Thiết

Nhớ ghé khu nghèo Còn cỏ thắm đầm tảo Trang
— Hồng — Sao Hoàng — Linh Ngọc
Những người trẻ say mê văn nghệ quên tháng ngày
chinh chiến

Thăm Tịnh Đường Ngọc Cát

Những người lính sáng chiều ôm súng lặng tiếng
kệ kinh

Thăm góc đường Khai Định

Mai mỷ có về Phan Thiết

Nhớ thăm giùm tao đường xuôi Phú Long đường
về Ngọc Thiện những con đường hân hoan tình
nhân

Cứ mỗi lần mây chiều rơi xuống thềm

Bằng mười ngón tay nhúc nhúc tìm một trời
ngủ trong tóc người yêu

Suối tóc hôm qua còn thơm bóng lúa vàng ru hồn
tao miệt mài trong tình yêu muối mặn

Mai mỷ có về Phan Thiết

Mỗi chiều nhớ ra dòng sông Mương Mán nhìn
một trời say rượu ngã nghiêng hay lên lầu Ông
Hoàng ngồi dưới cổ tháp chầm trờm mây đông
khung huyền sử

Mai mỷ có về Phan Thiết

Nhớ ghé lại cà phê Nhất Phương mỗi chiều
mỗi tối

Những đêm mưa nào tao ngồi lặng yên uống từng
ngậm cà phê đen đặc

Nghe tình yêu dâng mùi hương thủy lên cao

Những đêm cuối cùng tao ngồi suốt đêm cho đến
giờ giới nghiêm chờ người tình say ngủ

Đường Nguyễn Hoàng từng đêm rù bước mưa rớt
hai hàng thuốc đỏ đỏ vành môi

Mai mỷ có về Phan Thiết

Nhớ thăm giùm tao thăm giùm tao thành phố
thành phố dài mùa
Thành phố tình anh <

và khá rộng lượng. Không người đàn bà nào yêu mà không muốn hiến dâng mình trọn vẹn, và cách dâng hiến đạt nhất là tôi được cực điểm hạnh phúc tình yêu thân xác. Nhưng dù được người nam đưa được có nửa cuộc hành trình, người nữ vẫn khoan dung cho người nam, vẫn yêu như thường... Người nữ của tôi nói đúng hay sai, tôi không thể đoán chắc vì một lần nữa tôi vẫn nghĩ con người nghe nhạc bằng kinh nghiệm riêng tư của mình.

Một điều đặc biệt nữa tôi nhận thấy tình ca Lê Uyên Phương đó là sự vắng bóng của sự ồn cổ và tin tưởng. Nghe tình ca của những người khác, từ Phạm Duy cho tới Trịnh Công Sơn, tôi thấy có sự tin tưởng ở tình yêu như một yếu tố chắc chắn có đấy, một thực thể ồn cổ. Có thể buồn, nhớ thương, đau đớn, khắc khoải, nhưng tình yêu là có. Đến Lê Uyên, tình yêu chỉ còn là những khoảng khắc nào đó nhất định.

xem tiếp trang 12

TÌNH CA CỦA DANH GIỚI SỐNG, CHẾT

(NGHE LÊ UYÊN VÀ PHƯƠNG)

tình và tẻ đại toàn thân trong đau đớn vì tình yêu đã bay đi. Và thích thú hơn, hình như tôi đã nghe thấy cảm thấy thứ tình yêu danh giới sống chết ấy.

Khi Lê Uyên và Phương trình diễn trước công chúng hỗn tạp Sài-gon lần đầu ở Queen Bee, dĩ nhiên với tôi và Thi tới — dù cả hai đứa đều ít ưa thích các phòng trà loại này. Uống cạn chai bia đầu tiên, tôi chán ngán nghe những bản nhạc quá nhảm chán, diễn tả bởi những ca sĩ chuyên nghiệp, có điều luyện nhưng hát như máy. Ngay cả khi Khánh Ly xuất hiện hát ba bài liên tiếp, tôi cũng không thấy thú vị gì hơn — nàng du ca dĩ chân không mà hát đã đi vào quá khứ, chỉ còn nàng ca sĩ Khánh Ly, rất nghiêm chỉnh và trình trọng từ v phục tới cách thể trình diễn. Tôi quả chưa đủ già để thích cô Khánh Ly mới này..

Tối đó, tôi và Thi đã lắng nghe Lê Uyên và Phương và nhiều khi hai đứa đã cầm lấy tay nhau để chuyển cho nhau những xúc động ghi nhận khi thấy có người đã qua nhạc và lời ca trình bày được thứ tình yêu danh giới mà hai đứa đã từng phải trải qua. Quả thực Lê Uyên đã đưa ra một thứ tình ca mới tôi chưa từng thấy trong âm nhạc Việt nam bao giờ.

Đây không phải là thứ tình ca như mọi người, cho mọi người. Đó là tình ca của hai người, tình yêu thật đặc: thù của một người nam và một người nữ

BÚT CHIẾN VỚI MIỀN BẮC: ĐOẠN KẾT

TẠI MIỀN NAM bây giờ ai cũng nhận thấy rằng tài học Tây phương quả đã có quá đủ, quá nhiều trong khi các học Đông phương, những vốn liếng hiểu biết về chính mình vẫn xưa của ta lại quá thiếu thốn, kém cỏi. Chắc hẳn lúc này đang có nhiều người tạm gọi là những Tel. Queliste (và dĩ nhiên kéo theo sau họ những Anti — Tel. Queliste!) và những nhân vật này hiện vẫn còn đang loay hoay chưa biết xử dụng tài nghệ mình như thế nào cho ổn, cho lâu dài và cho có giá trị. Chắc hẳn họ không thể nói mãi về những chuyện xảy ra tít ở bên kia đại lục và không thể nói hay về những điều đó được. Người VN không bao giờ có thể nói những chuyện bên Tây hay bằng chính người Tây được vì một lẽ giản dị nhất là họ là người VN, có ba đầu sáu tay bằng này bằng nọ biết cả chục thứ tiếng đi nữa cũng không sao chối bỏ được bản tính con người mình. Chỉ có người Tây mới nói chuyện của người Tây hay họ cũng như chỉ có người Việt mới nói những chuyện VN thành ra tuyệt vời mà thôi. Nhưng có lẽ các nhà phê bình mới của chúng ta đã gặp chuyện khó khăn khi phải nhìn lại mớ tác phẩm làm ca lăm cầm thiếu đầu thiếu đuôi, ngắn hơi và ý tưởng thì chỉ quanh quẩn chừng đó ông Lão ông Thích ông Không... Chúng tôi không nghĩ như vậy. Nếu người ta chịu khó nhìn lại gia tài văn hóa của ta vẫn còn khối chuyện để nói, bởi vì như có người đã nói, không bao giờ hết chuyện để nói về bất cứ một tác phẩm nào xứng đáng gọi là tác phẩm văn học có giá trị. Đã hết điều để nói về Kiều rồi sao? Không bao giờ hết chuyện để nói về Kiều, chỉ có điều là càng ngày càng có ít chuyện mới để nói về Kiều vì chúng ta lười biếng suy nghĩ và coi thường mà bỏ qua. Những nỗ lực của Đỗ Long Văn, của Vũ Hạnh là những dấu hiệu thật đáng cảm động nhưng lại quá hiếm. Tây họ có đặt ra một chữ gọi là «RE-LECTURE» chắc cũng có ý muốn xét lại các tác phẩm của xứ họ dưới một nhãn quan mới. Chúng tôi ao ước điều đó sẽ xảy ra ở VN; có điều xin quý vị thận trọng cho: không phải là đọc lại các tác phẩm của xứ mấy bậc sư tồ đó nhưng là đọc giùm những tác phẩm của xứ mình, xứ VN. Nếu quả thực rằng các tác phẩm của các cụ ngày xưa chẳng có gì đáng để đọc lại cả thì đó thực là một điều đại bất hạnh. Trong tình trạng hiện tại, sự thiếu thốn tài liệu và dữ kiện chắc phải gây nhiều trở ngại cho giới phê bình trẻ hơn hết, bởi thế mới có loạt bài này nhằm kêu gọi quý vị VHS gia tiếp tay giùm. Nhưng điều quan trọng nhất theo chúng tôi nghĩ vẫn là cốt ở ý định của nhà phê bình: nhà phê bình phải thấy thích thú, phải mê, phải mến, phải muốn và chót nữa là phải chịu khổ đọc cho hết nguyên văn các tác phẩm xưa. Đọc một tác phẩm VN xưa làm sao để thấy có một tí hào hứng như là đọc một tác phẩm ngoại quốc, khi đó mới mong nhà phê bình để ý lưu tâm, đến văn chương VN, không riêng gì văn chương hiện đại qua mấy bài phê bình hàng tuần. Và chúng tôi biết việc đó không phải dễ làm. Ngoại trừ trường hợp «Kiều» và một số ít tác phẩm gần đây, còn thì hầu hết tác phẩm VN xưa điều rất khó đọc. Ngữ ngôn trong những tác phẩm xưa khi thế này khi thế khác, nhiều chữ nghĩa đã thất truyền, âm điệu lại lủng ca lủng củng, nhiều khi văn ngôn ngổ đến buồn cười. Đọc những thứ này rất dễ chán. Đó là chưa nói đến trường hợp những tác phẩm viết bằng Hán văn dù đã dịch rồi cũng không lột được trọn vẹn ý nghĩa như ở nguyên văn. Thành thử các vị VHS gia lớn của chúng ta rất có lý để giữ độc quyền khai thác những tác phẩm đó. Chàng Phạm Thái say đọc bài văn tế của Khái Hưng thì dễ hiểu thật nhưng chàng Phạm Thái trong «Chiến tụng Tây hồ phả» và «Sơ kính tân trang» lại đầy rẫy những diễn cổ rắc rối đủ thứ chuyện, đọc rất dễ toát mồ hôi. Mong rằng

những điều đó không phải là những trở ngại không thể vượt qua được để giúp chúng ta đến gần với người xưa, làm lại những tác giả và tác phẩm xưa. Chúng ta chỉ còn biết cầu nguyện cho hai giới phê bình mới và giới VHS cũ tìm ra được phương cách để hỗ trợ lẫn nhau «lá lành đùm lá rách» mà thôi.

Trong những ngày gần đây đã có nhiều sự «lục đục» xảy ra chung quanh mấy bài phê bình của ông NN Duật. Mong rằng đó là một dấu hiệu tốt cho tương lai của một nền phê bình đứng đắn không quá phong ngoại và cũng không quá bảo thủ cực truyền. một nền phê bình lâu dài của những người Việt Nam về những tác phẩm VN. Người đọc đang chờ đợi nhiều ở thái độ của những người trong cuộc. Cũng như người ta có quyền hy vọng về những hiện tượng tranh luận về «thăng Bôm» — chứ không phải là tranh luận về «con tuối» — như đã có trước đây.

Trong phần kết nơi đây chúng tôi muốn được phép xin lỗi độc giả về một điều mà chúng tôi đã cố tình không nói đến trong phần trên: tình trạng vật chất, sinh kế, kinh tế của nhà văn của người làm văn hóa của các nhà văn học sử trong quá khứ và trong tương lai. Chúng tôi đã nói toàn những chuyện lớn lao, toàn những điều trọng

NGHIÊM Y,
CAO HUY KHANH



đại, toàn những dự định đồ sộ mà tuyệt không nhắc nhở đến câu hỏi: Nhà văn lấy cái gì để ăn để sống mà viết? ai nuôi nhà văn? làm văn hóa với những VHS này nọ mà chết đói à? nhào đầu ra mà chịu trận để rồi chỉ nghe toàn chữ với chữ! Kiểm ước thế này lấy giấy lấy bút Bic đầu mà viết? có ai tài trợ đầu mà nghiên cứu rồi nghiên cứu? văn văn và văn văn... không phải chúng tôi đã không tưởng đến độ quên mất vấn đề «xương máu» đó nhưng số dĩ chúng tôi cố tình tránh né là vì nếu đặt ngay câu hỏi đó lên đầu tức thì chúng tôi cũng chẳng có đủ can đảm nào viết xong loạt bài này. Chúng tôi chỉ biết hy vọng ở một điều: đối với một số người nghiệp viết, cái số nó buộc phải «làm văn hóa» là một nghiệp dĩ — nói cho văn hóa thì cũng như là nợ đầu mà con tằm đã vướng tơ ấy! Đây là một chuyện thuộc loại khó tin nhưng có thiệt!

Còn một điều nữa: Ông Tú Kếu ngày nào cũng la làng la nước chửi vung vút đủ mọi thứ nhưng tối nào cũng về nhà công lưng lên viết bài và biết đâu cạnh đó ông Trần đức Uyên lại chẳng ngồi làm thơ tình? Cái này thì lại thuộc về mục toát yếu của một cuốn tâm lý học đệ nhất đẳng! Chỉ có nhà văn mới hiểu nhà văn cực khổ như thế nào. Ngày trước có cái ông thi sĩ ở ngoài kia dọa sẽ lấy dao mà làm thơ trên đá thì ngày nay mong rằng

giới nhà văn miền Nam sẽ không bị đẩy đến chỗ mỗi lần muốn viết cái gì cũng phải uống hết một thùng nước trà vì khi đó chỉ có cách đi mua trà mới có giấy mà viết!

Dù muốn dù không chúng ta cũng đang ở trong một hoàn cảnh càng ngày càng đi tới một tình trạng có hai nước Việt Nam. Mỗi miền có những niềm tự hào riêng và muốn giữ vững niềm tự hào đó. Đã có rất nhiều người lên tiếng than thở về tình trạng văn hóa miền Nam, nó bầy bọ, nó hư, nó nhảm nhí, nó lằng nhằng, nó khố hại như thế nào. Điều đó không ai có thể nằng để chối cãi cả. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng bên cạnh những khuyết điểm đó chúng ta cũng có ít nhất một ưu điểm: Trong hơn 10 năm máu lửa này người miền Nam đã HỌC được nhiều điều. Trên phương diện văn học nhờ cái học đau khổ và bị dất đó chúng ta mới có được những đoạn văn hoài niệm đầy máu và nước mắt của Cung Tích Biền (loạt bài về «Cây đa cũ, bến đò xưa» đăng trên báo Đồi), có được những câu văn sắc như nhát rựa chặt vào da dưới một bầu trời nặng nề của Y Uyên, có được trên một triệu thì si trẻ tuổi đang đi lang thang từ Cà Mau ra tới Quảng Trị, mới có được những nhà tu hành đọc đạo như LM, Ng. Ngọc Lan hay Thượng tọa Nhất Hạnh, những tư tưởng tôn giáo phóng khoáng như một Thế Nguyên hay một Thảo Trường. Bên cạnh đó những công trình xây dựng của ĐH Vạn Hạnh, một ông già đáng kính như Nguyễn Hiến Lê, cụ Giản Chi, gs Trương Văn Chính, nhà văn Quách Tấn. Chúng tôi xin tạm ngưng cái cuộc mang tiếng là quảng cáo ở đây. Giữa những người Việt Nam với nhau không có một cái gì có thể có một áp lực hay một quyền năng nào để buộc người VN này phải thua hay phải hơn người VN kia một cách nhất định được kể cả những danh từ bán nước hay yêu nước gán cho nhau. Dù thế nào đi nữa cũng sẽ tới, một ngày sáng sủa.

Tất cả mọi người VN đều có thể nhận danh mình là người VN để nói chuyện về những vấn đề của VN. Chúng tôi rất muốn nương nhờ vào chút quyền đó để sẵn sàng nói chuyện văn hóa với những người miền Bắc về những vấn đề nào chúng tôi tự thấy mình có đôi chút hiểu biết. Miền Nam có cả hàng triệu người, chúng tôi không sợ cô đơn. Nước VN có cả hàng triệu người, chúng tôi không ngại mình bị lẻ loi. Chúng tôi hết sức thận trọng và lịch sự đối với những người bên kia nhưng điều đó không có nghĩa rằng tất cả mọi việc các anh làm đều đúng, đều hay, đều thuận tình, đều hợp lý, đều vì dân tộc cả. Chúng tôi muốn được phép nhắc lại thêm một lần nữa: những người đã bị hy sinh trong những thế hệ trước còn sót lại, những người đang hy sinh trong thế hệ này và cả những người sắp sửa hy sinh trong những thế hệ kế tiếp, tất cả những người đó đã HỌC được rất nhiều điều cho cái xứ sở này.

Chắc hẳn lớp người mà bây giờ mỗi tuần phải mang bộ đồ kaki vàng nhạt nhèo một lần kia càng ngày càng thấy rằng cái ước vọng ngày xưa mới được một lần ngồi một chuyến tàu lửa xuyên Việt đi từ Saigon ra Hà Nội càng theo ngày tháng qua càng thấy giấc mơ đó tàn phai rơi rụng lần lần. Trong mấy chục năm còn sót lại ở đời họ chỉ còn biết tìm cách nào để cũng tưởng thấy mình đang lên chuyến tàu lửa đó đi một mạch khắp nước VN thống nhất. Trong ý nghĩ đó, không phải bất cứ chuyến tàu lửa nào trong giấc mơ này cũng đều bắt buộc phải chạy trên đường rầy hết. Từ đây ra Bắc có biết bao nhiêu cách đi vượt qua không gian trong một giờ một phút mà không cần phải đi tàu, đi xe hay đi máy bay. Và chúng tôi cũng đã tìm thấy cho mình một cách đi khắp trọn vẹn quê hương theo kiểu đó rồi!

CÁC VĂN, thi sĩ trữ tình, đắm mê từ sắc và lúc nào cũng than mây khóc gió, cũng tự cho mình là ho lao kiểu Byron, Keats lại nhìn cái chết với một vẻ lãng mạn, và đùa dòn như chơi với một người đàn bà: tình yêu đang dở với cái chết nhẹ nhàng — *Half in love with easeful Death.*

Ngoài một số nhà thơ lãng mạn đối với cái chết như vậy, trong văn chương thế giới trước nay, các nhà văn trữ danh như Tolstoi, Thomas Mann lại khoái cho cái chết một bộ mặt bi thảm. Đối với Hemingway, người hùng mà ông tạo ra trong tác phẩm, ông đã để cho họ chết một cách đàng hoàng, đúng một, can như những tay đấu bò.

Ý tưởng về cuộc đời ngắn ngủi và cái chết không có nghĩa lý gì, ta có thể bắt gặp ở nhiều nhà thơ Việt Nam mà một Nguyễn Công Trứ, một Tản Đà đã là những người tiêu biểu: «Đâu ba vạn sáu ngàn ngày là mấy chốc. Vì đời người vốn có một giá trị mong manh nên Hi Văn tiên sinh đã chủ trương hưởng nhân và hưởng lạc: Cuộc hành lạc bao nhiêu là lỗi đấy

Nếu không chơi thiệt ấy ai bù?»

Cũng một nhận định như trên, Tản Đà đã đưa thú ăn chơi của ông lên thành một thứ triết lý cho cuộc đời: «Tôi muốn chơi cho thật mãn đời

Đời chưa thật mãn thì chưa thôi. Chẳng hay đời tôi lâu hay chóng; Dù chóng hay lâu tôi hãy chơi.»

Đó là một thái độ phóng túng hình hài và phóng túng thời gian của Thi sĩ, vì biết rằng cuộc đời hạn hẹp.

Trong lúc mà đám đông nhân thế lòng đầy tham, sân, si; bị lừa mắt bởi hào quang phú quý, coi cuộc đời là nơi gỡ bạc bon chen, đã hăm hồ lao đầu vào chốn lợi danh phàm tục, dù có phải lao tâm khổ trí để giành nhau từng bước hơn thua; thì Thi sĩ lại nhìn đời như một cuộc thưởng ngoạn thanh cao. Họ coi nhẹ vinh hoa, không bận tâm danh lợi, muốn hòa tâm hồn vào vạn vật, mở rộng lòng say đắm thiên nhiên, một thiên nhiên thanh tịnh vô tư mà bất kể lúc nào và ở đâu cũng vẫn là bạn chung tình.

Đó chính là kho vô tận của Thi sĩ. Đó là hương là hoa, là mây là gió mà Thi sĩ muốn đem tinh người đắm đắm hòa điệu vào cảnh vật ấy để làm cho vũ trụ chứa chan, sắc màu lung lẫy; để quên đi nỗi sầu nhân thế và niềm vui cười mãi mãi không cùng.

Còn thơ mộng hãy quên sầu
Niềm tâm sự ngất, ngàn câu chưa vơi
Ngắm thế sự cuộc cờ vô tận
Bỏ phàm danh chữ bận làm chi
Vội may có gió lương tri
Vội ta tình để lại gì cho thơ.

CAO TIÊU

Ồi với vũ trụ: có mây còn gió, với Thi sĩ: có tình còn thơ. Thi sĩ muốn đem cái bé nhỏ để sánh với cái bao la, muốn đem cái hữu hạn của cuộc đời để thi cùng cái trường cửu của trời đất! Cho dù ta biết rằng tình của Thi sĩ không phải «thường tình» mà là tình Chân Thiện Mỹ thì người thơ cũng là kẻ tham lam đấy thôi.

Nói như vậy thật đúng. Bởi vì Thi sĩ cũng chỉ là người, cho nên trước cái hữu hạn của cuộc đời, Thi sĩ vốn đa tình đa cảm, hơn ai hết, lại là kẻ nao nức, bồn chồn. Ý nghĩa về cuộc đời ngắn ngủi lại càng dòn nén, người thơ lại càng thấm thía xót xa. Làm sao có thể níu thời gian lại được? Con người hữu ý nhưng thời gian vẫn cứ vô tình. Thi nhân chỉ còn

biết an ủi mình, an ủi người đời trong tình cảnh đồng hội đồng thuyền. Bởi vì cuộc đời cùng với năm tháng rồi sẽ phôi pha. Hương rồi nhạt, hoa rồi tàn, nhan sắc rồi phai, tóc xanh, rồi bạc:

Hãy bỏ quên người ngoài cửa
Cùng tháng năm lần lữa phôi pha
Đã ai trẻ mãi không già
Trì âm hôm đó nay là cổ nhân
Tuổi thời gian mấy lần đời tóc
Uống say rồi ngồi khóc hoa niên

TẠ THY

Tuổi hoa niên qua đi làm ta thương ta nhớ nhưng nỗi thương nhớ này chẳng phải để biểu lộ sự ích kỷ cá nhân mà thực ra chỉ là một ý niệm về thời gian đối với Thi sĩ. Dù có tham lam đến đâu chẳng nữa thì cũng không có bất cứ một cuộc đời nào có thể sánh với cái vô cùng vô tận của thời gian. Đời người so với muôn vật muôn loài chỉ được trong vòng trăm tuổi mà thôi, chứ nào ai đã sống được như ông Bành Tồ thời xưa:

«Đời người như giấc chiêm bao
Nghìn xưa đã mấy ai nào trăm năm?»

TẢN ĐÀ

Vì thế mà Thi sĩ chán đời, không ham sống lâu: «Quý chi chữ thọ mà

Des extrêmes douleurs médecin et confort!
Quand mon heure viendra, Dièssé, je te prie,
Ne me laisse longtemps languir en maladie.
RONSARD

Tuy thế, phần đông mọi người dù sống gian nan cực khổ vì bệnh hoạn, vì miếng cơm manh áo, vì mọi thứ lo âu ở cõi đời này, vẫn sợ cái chết. Tâm trạng úy tử tham sinh ấy nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine đã diễn tả một cách điển hình qua nhân vật lão Tiều phu trong bài Le bûcheron et la Mort. Lão Tiều một bữa đi lấy củi trở về, gánh nặng đường xa, mới dừng chân ngồi nghỉ, nghĩ đến cuộc đời cơ cực của mình: nào tuổi già sức yếu, nào vợ con phải cư mang, nào thuốc thang phải chăm sóc, sưu thuế phải đóng góp v.v... lão đã tủi thân, chán đời và khẩn cầu Tử thần rước mình đi cho thoát nợ. Nhưng khi Tử thần xuất hiện, lão hoảng sợ và lại nhờ ngài nâng giúp gánh củi lên vai để đi nốt quãng đường đời:

Lão tiều vác củi cảnh một bộ,
Cải đã nhiều niên số lại cao
Lặng lẽ chân đá chân xiêu,
Lom khom về chốn thảo mao khô mòi.
Tủi thân phận kỳ khu khổ nhọc,
Đặt bó sải ở dọc lối đi;

Em mong về đâu, em mất về đâu?
Từng đêm ta vẫn nguyện cầu
Đầy màu hương khói là màu mắt xưa.
Em đã về chưa?
Em sắp về chưa?
Trông sao tất, ngọn đèn mờ
Ta nằm rồi lệ độc thơ gọi hồn
Em hãy cười lên vầng cổ ám
Khi trăng thu lạnh bước đi thăm
Những hồn phiêu lãng bao năm trước
Nay đã vào chung một lỗ nấm.

Cười lên em!
Khóc lên em!
Đâu trăng tình sử?
Nếp áo trần duyên.
Gót sen tổ nữ
Xôn xao đêm luyến.
Ta đi lạc xứ thần tiên
Hồn trăng đương hiện bóng thuyền u minh
Ta gửi bài thơ anh linh
Hỡi người trong mộ có ràng mình?
Năm xương có quạnh còn ăn đi
Bóng người bi thương vẫn rợn tình?
Hỡi hồn tuyệt trần!
Hỡi người tuyệt trần!
Mè em ta thoát thân hình
Nhập thân cây cỏ đa tình mỗi đêm...

ĐINH HÙNG

Thi sĩ Hồ Dzếnh lại «tưởng chuyện nghìn sau» mà thờ than cho duyên kiếp. Nhà thơ đã dựng lên hình ảnh cái chết của chính mình trong một khung cảnh diu hiu có tịch, với tiếng gió nhẹ luồn qua khe lá bên ngoài, với những ngọn nến cháy lung linh trên mặt quan tài, trong đó thân xác mình đang nằm yên nghỉ. Và có lẽ cái chết của chàng cũng cũng chẳng gây được nỗi xót xa thương tiếc nào đối với người đời. Một tình cảm hồn dôi vì sự thờ ơ của thế nhân đối với chàng đột nhiên len đến:

Ngồi đây tưởng chuyện ngàn sau
Lung linh nến cháy hai đầu đèn quan
Giờ là tiếng lá không vang
Tin ta vĩnh quyết trần gian hững hờ.

Nỗi nhớ thương đối với chàng, chẳng những đời đã phai nhạt, mà ngay cả đến người yêu, tình kia cũng chẳng còn mãi mặn nồng để chàng phải hồn tử đốn đau:

Ta nằm trong ván trơ ra
Tủi thân vì thấy người hoa vẫn cười
Ta toan giận đời xa đời
Chợt hay khấn liệm trên người vẫn thơm
Nỗi sầu không nát nỗi hôn
Len trong cái chết vẫn còn cái đau.

HỒ DZẾNH

Cái đau trong cái chết đó là tình cảm bè bạn của thi sĩ trước sự lạnh nhạt hững hờ của người đời. Thi sĩ hồn dôi cuộc đời cũng chỉ vì quá thương đời, quá yêu đời đấy mà thôi! Vì tham lam mà có đau, vì đa tình mà đau khổ. Cảm thương đời nên cảm thương mình. Nhỏ lệ vì đời nhưng nào biết cuộc đời rồi sau đây có ai vì mình mà nhỏ lệ chăng? Đó là tâm trạng của Nguyễn Du:

Ba trăm năm nữa ai người
Vi ta nhỏ lệ khóc lời tức thương?
«Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?»

Sự nuối tiếc, lòng thiết tha đối với cuộc đời càng làm tăng thêm nỗi cô đơn của thi sĩ. Hào quang mà thi sĩ tâm gọi cho cuộc đời, những điệu mà chàng đã xúng tung cuộc đời, lúc còn sống dù chàng đã bị cuộc đời lạnh nhạt nhưng lúc chết, chàng vẫn muốn người đời đến đáp:

«Khi anh chết, các Em về đây nhé
Vi chút tình lưu lại với nhau xưa
Anh muốn thấy các Em cùng nhỏ lệ
Tay cầm hoa, xoa tóc đứng bên mộ»

ĐINH HÙNG

xem tiếp trang 55

CAO TIÊU



CÁI CHẾT DƯỚI MẮT CÁC THI SĨ

lắm sống nhiều». Ta chẳng sống mãi ở đời này, vì vào cuộc đời cũng như người đi một phiên chợ, hay như con tàu ghé một hải cảng. Khi mọi thứ đã mua sắm đầy đủ, tiền đã hết, ta cũng nên đi ra khỏi chợ, cũng nên nhờ neo chứ quanh quẩn làm gì cho thêm chán. Đến lúc ấy, con người cất tiếng mời gọi cái chết vì nóng lòng muốn sang thế giới bên kia:

«Hỡi Tử thần, vị thuyền trưởng già ơi đã đến giờ rời bến.
Cõi đời này ta đã ngấy, Từ thân ối hãy sửa soạn đi thôi.
«O Mort! vieux capitaine, il est temps, levons l'ancre!
Ce pays nous ennuie. O Mort! appareillons!»

BAUDELAIRE

Đó mới chỉ là thái độ của những người chán đời suông, vô cơ, tự nhiên thấy chán mà thôi. Đối với những ai bệnh hoạn triền miên, chết lại càng không là một điều sợ, nó trở thành sự mong ước. Họ cầu khẩn cho được chết sớm, nhẹ nhàng để bớt đau đớn:

Hỡi Tử thần sung sướng, tôi xin cúi chào ngài
Ngài là vị lương y, là niềm an ủi trong nỗi đau đớn cùng tột.
Khi giờ điểm, Nữ thần ối, tôi cầu nguyện
Đừng để tôi tàn tạ, bệnh giăng gai.
Je te salue, heureuse et profitable Mort

Than rằng: «sung sướng nỗi gì»,
Khấp trong thế giới ai thì khổ hơn?
Bữa nào đôi lứa con buồn bã:
Vợ nào con, vút và trăm chiều.
Hết thuê lính lại thuê sưa,
Quanh năm khách nợ còn điều gì vinh?
Hỡi Thần chết thương tình chẳng tá,
Đến lời đi cho đã một đời.
Chết đau dẫn lại tức thời,
Hỡi «Già khi này kêu vời ta chi?»
Lão tiều thấy cơ nguy cưỡng sự:
— «Nhờ tay ngài nhắc đỡ lên vai»
Thơ rằng: «Đành chết là hết nợ,
Sao mà ai cũng sợ?
Mới hay bụng thế gian:
«Khô mà sống còn hơn»»

Bản dịch của NGUYỄN-VĂN-VĨNH

Trong kho tàng thi ca Việt Nam, ta cũng tìm thấy nhiều quan niệm khác nhau về cái chết, trong đó các thi sĩ đã diễn tả mỗi người một vẻ.

Có những thi sĩ lãng mạn, thương khóc người yêu khi nửa chừng xuân thoát gậy cành, đã muốn nhập hồn vào cây cỏ thành một thứ vong linh để gọi hồn tình nhân đã non yêu, để trò chuyện với han người chết. Lời thơ lúc ấy biến thành lời kinh cầu như vọng lại từ một cõi âm nào, nuôi tiếc những ân tình giang dở:

Trời cuối thu rồi em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu.
Thư ối đánh thức hồn ma dậy,
Ta muốn vào thăm năm mộ sầu.

GIẤC MƠ VƯỢT THỜI GIAN, KHÔNG GIAN CỦA NHẤT LINH

THẬT là tốt đẹp nếu quả thật Nhất Linh có ước mơ văn chương vượt thời gian không gian, một thứ văn chương muôn năm không lỗi thời và thích hợp với tất cả mọi người không phân biệt cá tính dân tộc, nghĩa là vượt qua biên giới quốc gia và thời đại.

Đề tài của loại văn chương ấy không thể là vấn đề xã hội và chiến tranh. Đành rằng vấn đề xã hội và thời cuộc là những vấn đề không bao giờ chấm dứt khi mà còn loài người. Vấn đề xã hội có tính chất trường tồn như thế, nhưng mỗi giải pháp cho vấn đề xã hội đều có tính cách cục bộ, mỗi thời đại và mỗi quốc gia có những vấn đề xã hội đặc thù cần phải giải quyết. Vì thế văn chương dẫn thân (vào vấn đề xã hội) sẽ bị quy định trong thời gian và không gian, tác phẩm văn chương sẽ đi vào bảo tàng viện khi vấn đề xã hội đã giải quyết xong, tác phẩm văn chương chỉ còn là những chứng tích để khảo sát phong tục hay lịch sử sau này. Trường hợp những cuốn tiểu thuyết «Đoạn tuyệt» và «Lãnh lung» của Nhất Linh là những thí dụ. Những hư thực hẹp hòi của một thời đại trường giả đã được sửa đổi gần như không còn nữa, nên hai tác phẩm kể trên đã hết sứ mệnh để tồn tại trong lòng người hâm mộ.

Nói đến giấc mơ vượt thời gian không gian sẽ làm ta liên tưởng đến cõi miền trường của Hiện tại siêu thời gian nơi đáng tối cao, hoặc liên tưởng đến Bản thể ở ngoài vòng thời gian sinh diệt của cõi Niết Bàn. Nhưng ấy là đối tượng của nhà tôn giáo, chứ không phải của kẻ làm Văn chương nghệ thuật. Đây là những đối tượng siêu-nhân-loại vượt qua nhân-loại-tính phạm tục của con người bình thường nơi chúng ta. Những người sùng bái muốn phát huy một tôn giáo nào đó thì họ có quyền đồng hóa văn chương nghệ thuật với tôn giáo bởi vì nơi đáng tuyệt đối thì chân thiện mỹ cũng chỉ là một, và đối với nhà Thiên học thì có lẽ cái Mỹ của nghệ thuật được xấp nhập vào bản thể. Chúng tôi không phải là nhà tôn giáo nên cảm quan nghệ thuật của chúng tôi chỉ là dãi trong thế giới hữu hình, thí dụ nhà thiên học nhìn thực tại bằng hoa trên hàng rào thì trực nghiệm được bản thể Phật tính, còn đối với chúng tôi thấy cái Đẹp của nghệ thuật là Đẹp ở sự tương

quan giữa sự vật này với đồ vật khác, chẳng hạn đóa hoa trong bình hoa không làm chúng tôi rung động mỹ cảm bằng đóa hoa đỏ thắm tương quan trong làn mưa bay mịt mờ: «Sát giệt, mây bông hồng quế đỏ thắm rung rinh ở đầu cành mảnh khảnh: đó là những nét chấm sắc tươi trong một cảnh toàn màu nâu xám. Ngoài ra, phong cảnh ẩn sau cái màn bụi trắng của mưa bay, mịt mờ...» (Khái Hưng).

Văn chương không vượt thời gian như những nhà tôn giáo siêu nhân loại, vậy nó phải vượt thời gian bằng cách đi vào lòng người, làm sao cho độc giả gặp gỡ trong tác phẩm cái nhân tính không bao

Cảm quan thường ngoạn cái mỹ của nghệ thuật cũng là một nhân tính, nên văn chương vượt thời gian không gian không thể chỉ có tiểu thuyết tâm lý. Cái đẹp của văn chương nghệ thuật chẳng những vượt qua thời gian tính mà còn phải vượt qua biên giới không gian nữa. Có cái đẹp ngoại giới nào mà không lọc qua tấm màn sương mù của tâm hồn, do đó có cái đẹp tươi mát, có cái đẹp u hoài, mà tâm hồn thường ngoạn cái đẹp là của chung cho loài người nên không phân biệt tâm hồn quần quai Đông phương hay tâm hồn hướng ngoại Tây phương, đi ra ngoại giới hay quay vào nội tâm đều giống nhau ở chỗ cảm quan cái đẹp không bao giờ là vô ngã. Đến đây có một khúc mắc là làm thế nào vượt qua được cá tính dân tộc trong âm điệu thi ca, chẳng hạn nhịp thơ lục bát làm sao vượt qua không gian quốc gia mà đạt tới bình diện hoàn cầu cho tất cả mọi dân tộc đều có thể thưởng thức. Nếu quan niệm Thơ chủ yếu ở nhạc tính chứ không phải là văn chương ở hàng tuyệt diệu, nghĩa là thơ không phải là sự tương quan phối hợp thâm mỹ của từ ngữ, quan niệm đó đưa nghệ thuật thi ca đến chỗ bế tắc trong chiều hướng văn chương vượt không gian. Nếu quan niệm thơ chủ yếu ở cái đẹp tạo hình chứa đựng tâm tính, hoặc chủ yếu ở tư tưởng, thì vấn đề dịch thuật đề thi ca vượt biên giới mới giải quyết ổn thỏa.

Nhất Linh ước mơ văn chương của mình vượt không gian, thời gian, tác phẩm bất diệt trong lòng độc giả. Tâm trạng muốn kéo dài đời sống một khi hình hài đã bị hủy diệt là tâm trạng của người lãng mạn chạy trốn hư vô. Những nhà tôn giáo không phải là những người chủ trương hư vô, bởi họ đã trực nghiệm được một thực tại huyền bí, niềm tin của họ hướng về cõi miền trường của hiện tại siêu thời gian, chết để hướng về cái sống ở ngoài vòng sinh tử. Cũng đi tìm sự vĩnh cửu, tiểu thuyết phiêu lưu tâm trạng của Nhất Linh và cảm quan thâm mỹ bất diệt của văn chương vị nghệ thuật là những giải pháp độc quyền cho những người lãng mạn yêu đời nhưng thực chất là chạy trốn hư vô, chạy trốn hư vô mà không làm dáng bị đất như một thời trang văn nghệ <

* Bài viết nhân ngày giỗ Nhất Linh: 7-7

TRẦN VĂN NAM



giới nói hết, không bao giờ là vấn đề cũ mòn. Hãy khai thác những cuộc phiêu lưu của tâm trạng trong hém học lòng người, những dằn vặt của tình cảm, những bí ẩn của bản năng, những phi thường của ý chí, những tranh chấp của nội tâm, những khúc quanh đột ngột của tâm hồn. Độc giả sẽ say mê theo dõi trong mọi thời, ở mọi nơi, đó là nhân tính chung của loài người vượt qua cá tính dân tộc, vượt qua thời đại tính, nghĩa là đề tài của văn chương không quy định trong không gian và thời gian nữa. Đây phải chăng là tính chất của cuốn «Buróm trắng», tác phẩm không bao giờ chết đối với Nhất Linh, tác phẩm phơi bày ngõ ngách của lòng người muốn thoát.

TÌNH CA...

(tiếp theo trang 9)

hãy ngồi xuống đây hôn nhau lần này
hãy ngồi xuống đây cho nhau lần này
hãy ngồi xuống đây chia tay lần này

Hôn nhau, hiến dâng cho nhau một lần này, chính là chia tay nhau thêm một lần. Thật giản dị và cũng là sự thật. Hai thân thể, hai tâm hồn cố hòa vào nhau nhưng để rồi lại thất bại, hai thân xác rời rạc buồng nhau và hai tâm hồn rời xa, mỗi người trở lại với nỗi cô đơn làm người của chính mình. Nếu có điều nào an ủi cho con người khi biết yêu, đó là sự cô đơn cùng nhau với nhau.

Tình yêu đến đây quả đang đi đến chặng chót của cuộc hành trình của nó. Trong cuộc chiến kéo dài, trong một xã hội đang tan rã đến giai đoạn chót, người trẻ tuổi chỉ còn tin được vào tình yêu của chính mình. Phạm Duy còn tin, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Trịnh Công Sơn còn tin. Đến Lê Uyên, tin tưởng chẳng còn bao nhiêu, họ chẳng là những khoảng khắc, thể thôi. Nhưng có lẽ khoảng khắc, thì vẫn còn là có. Và chính là vì khoảng khắc, nên lại cần lao vào hồi hải. Những đôi lứa yêu đương bây giờ, không còn biết làm gì hơn là rủ rê nhau «*Hãy ngồi xuống đây*». Để làm gì? Sung sướng thay các cụ chúng ta. Các cụ khi còn trẻ có rủ nhau ngồi xuống đây thì thường cùng là để ngắm trăng sao, thế non hẹn

biên và nếu có đi xa hơn nữa đến tận «đỉnh yêu đương», thì đó cũng chỉ là một sự «lời cuốn ngoài ý muốn của các đương sự». Còn bây giờ:

hãy ngồi xuống đây
như loài thú hoang yêu nhau ngoài đồng
dưới nắng ban mai phơ phất trần trụi kiêu
sống hoang sơ...
hãy ngồi xuống đây vai kề sát vai cho da thịt này
đốt cháy thương đau cho cơn buồn này
rớt nóng trụy hoang cho thiên đường này...

Thật cả là một lời hô hào yêu đương. Thật dữ dội, thật ngây thơ và cũng thật tội nghiệp. Đêm vừa qua, sinh nhật của Thi, hai đứa khá muộn mới tới Hầm Gió và tôi chai bia thứ ba, tôi ngừng lên mới thấy ở vị trí mà trong các gia đình cổ kính mới một thế hệ trước đây còn treo hoành phi trịnh trọng, chủ quán đã cho treo một bức hoành phi như tục lệ, duy chỉ có điều khác là bên trong không đề chữ Hán mà chỉ đề có mỗi một chữ LOVE. Tôi vừa buồn cười vừa thấy thương.

Lý do vì tôi đoán biết người đề xướng ra bức hoành phi này có lẽ muốn đề tiêu ngữ đang phổ thông của sinh viên Hoa kỳ: «*Make love not war*». Nhưng sự đề như vậy là bị ghép vào tội «phản chiến» chẳng... Dám ra Tòa Án Mặt trận và 5 năm cầm cố như người làm nhạc trẻ Miền Đức Thắng.

Đêm vào khuya hơn nữa, tôi chợt nghĩ tới hai hình ảnh, hai hoạt cảnh mà tôi tham dự cả hai trong

thời gian gần đây. Hoạt cảnh thứ nhất: từng đoàn sinh viên lao mình trong đám hơi cay, la hét tranh đấu, một cô bé nữ sinh Gia Long quào áo trắng đơn sơ, mắt còn trong veo bị ba bốn cảnh sát đã chiến tùm lầy ném lên xe jeep, xe rú còi inh ỏi phóng đi như bay, nhưng tôi còn trông thấy, qua hai chân dạng và chiếc dùi cui lủng lẳng của người cảnh sát cô bé đó đang đưa vật áo lên lau nước mắt. Hoạt cảnh hai: những người con trai con gái ăn mặc quần áo hippy, sang trọng, đông đảo quây quần nhẩy soul với nhau, vui chơi một cách ngây thơ và cổ tình không biết đến chiến tranh dù loại đạn điện ra không xa, ngoài kia... Từ hai hoạt cảnh ấy, tôi chợt nghĩ tới một điều: những người trẻ lao mình trong đám hơi cay kia là những người sung sướng hơn, bởi vì họ còn tin tưởng ở một cái gì khác hơn là thứ tin tưởng của những người trẻ lao mình trong điệu soul kia. Bởi vì ở cuối cuộc hành trình của những lớp người sau, chẳng còn gì hơn là những khoảng khắc như tôi đã nói, những khoảng khắc của Lê Uyên Phương, những khoảng khắc mỗi ngày sẽ một khó kiếm khi tuổi trẻ qua dần, những khoảng khắc có thể nói là không thể kiếm nổi cho những người nào không sao yêu được ai, cái gì, hơn là yêu chính mình. <

(*) Nghe Lê Uyên và Phương

KỶ TỚI: MIỀN ĐỨC THẮNG: KÈ THUỘC BÀI

ĐỌC “TRƯỚC SỰ NÔ LỆ CỦA CON NGƯỜI” của thượng tọa Thích Minh Châu^[*]

THƯỢNG Tọa Thích Minh Châu, Viện trưởng V.Đ.H. Vạn Hạnh, vừa cho Nha Tu Thư và Sưu Khảo của Viện này in lần thứ hai cuốn “Trước Sự Nô Lệ Của Con Người”, một tập sách mà ở lời tựa, Thượng Tọa xác nhận là “gồm những bài viết và những bài thảo luận quan trọng” đã từng được Thượng Tọa trình bày trong những hội nghị quốc tế và quốc nội. Tập sách dày trên 300 trang, gồm một bài tựa, một bài Bản Thệ, 12 chương và 3 bài phụ lục. Mười hai chương sách gồm đa số là những bài diễn văn hay thuyết giảng trong những dịp khai giảng hoặc dịp lễ Phật đản tại Viện Đại Học Vạn Hạnh và trong những cuộc hội thảo với các giáo hội tôn giáo bạn, với các đại học khác. Mười hai chương sách và ba bài thơ phụ lục được đọc và viết trong những trường hợp khác nhau, vào những lúc khác nhau. Nhưng chúng không tách rời nhau, mà trái lại vẫn chung một ý hướng, luôn luôn thống nhất với nhau, xoay vào một trọng tâm, trọng tâm mà chính tác giả đã nhận thấy trước hơn ai hết, như ông đã viết ở lời tựa: “Những vấn đề đặt ra trong tập sách đều nhằm vào một trọng tâm độc nhất: tìm lại con đường văn hóa Việt Nam trước sự nô lệ của con người để khai quang một chân trời cho ý thức tự do của nhân tính”. Tất nhiên công việc tìm lại con đường văn hóa này đòi hỏi một nỗ lực ý thức lớn lao, người làm công việc này phải nhận rõ vị thế của mình, phải có một cái nhìn bao quát trên bối cảnh lịch sử, trên trạng huống văn hóa, phải thấu đáo về các truyền thống lớn xưa nay, lại phải thật sáng suốt trong cái nhìn hướng về tương lai. Hẳn một nhà trí thức đại học đã dày công tôi luyện kiến thức, đã thấm nhuần tư tưởng Đông Tây, đồng thời là một tu sĩ đã thấu triệt giáo lý của Đức Phật — nhà văn hóa lớn lao bậc nhất của nhân loại —, hơn nữa lại ở địa vị một Viện Trưởng Đại Học, sống giữa lòng đất nước Việt Nam đang oằn mình dưới cơn lùa dấn để tiếp nhận những kinh nghiệm sâu xa nhất và đau đớn nhất, hẳn một người có những điều kiện hiếm hoi như vậy, Thượng Tọa Thích Minh Châu, mới có thể và mới dám mạnh dạn dẫn bước tiến tới, bằng sự suy tưởng và hành động của mình, tìm lại con đường văn hóa Việt Nam trước sự nô lệ của con người.

Công việc này đòi hỏi trước hết sự nhận diện thời đại, bối cảnh trong đó nảy nở nền văn hóa hiện nay; rồi tiếp theo đó là sự xác định vị trí của nhà văn hóa đi tìm lại con đường văn hóa Việt Nam giữa lòng đất nước này trong hiện tình thế giới; hơn nữa công việc của nhà trí thức Đại học (nhất là của một Viện Trưởng Đại Học) còn là vạch rõ ý nghĩa của giáo dục để từ đó tìm thấy chủ hướng của tinh thần Đại Học. Có nhận rõ nguyên lý tối sơ, phát xuất tối cao và căn cứ tối thượng của văn hóa, mới định hướng được giáo dục, mới khám phá được những phương thức hữu hiệu để hướng dẫn con người trên con đường thực hiện sứ mạng làm người, để phát huy được những giá trị cao cả nhất, thiêng liêng nhất của đời sống. Thượng Tọa Thích Minh Châu ý thức rất rõ rệt những khía cạnh này và trong tập sách của ông, người ta đọc được những vấn nạn cùng những giải đáp thật khẩn thiết và thật mạnh bạo liên quan đến những mối lo âu lớn lao của con người hiện nay: hoàn cảnh lịch sử, trạng huống văn hóa, vai trò của tôn giáo trong một thế giới đang mất dần niềm tin, chiều

hướng giáo dục trong cảnh hỗn loạn chung, vị trí và chức phận của Đại Học cùng tinh thần phải có của con người Đại Học... Tất cả những vấn đề này đều xoay quanh một cái trục: ý thức. Đó là ý thức của người trí thức tinh tảo, bản khoăn, quan sát, nhận định và lo giải quyết những vấn đề liên quan mật thiết đến bản chất, chức phận, vai trò và giá trị của mình trong xã hội. Hiểu như thế ta mới thấy rõ sự nhiệt thành của Thượng Tọa Minh Châu là thực có, niềm tha thiết của ông với những giá trị tinh thần và giới thanh niên Việt Nam bây giờ là điều hiển nhiên không thể phủ nhận. Sự chân thành biểu lộ qua lời lẽ nồng nàn và ý thức tinh táo soi mình nơi ngôn ngữ trong sáng. Hãy nghe ông nói, để thấy ông muốn chỉ cho ta nẻo đường nào đi tới.

Nẻo đường nào trong thời đại này? Và thời đại này, trước hết, nó ra sao? Chân tướng của nó được nhận thấy như thế nào? Thượng Tọa Minh Châu viết: “Thời đại máy móc, thời đại cơ khí kỹ thuật trở thành một thời đại mà con người càng lúc càng vắng bóng và chỉ còn những đồ vật tàn che” (trang 246). Con người thời đại chúng ta coi máy móc như cứu cánh, tinh thần con người cũng bị cơ khí hóa; thời đại này phát xuất từ óc duy cơ

Tác giả, từ đó, đưa ra đề nghị: “Chúng tôi nghĩ rằng muốn thể hiện sự hòa điệu giữa những nền văn hóa Đông phương và Tây phương để cung hiến nền hòa bình thực thụ cho nhân loại thì chúng ta phải đứng ngoài mọi sự đánh giá về thực tại” (trang 218, tác giả gạch dưới)... Đó là đề nghị mà cũng là hy vọng của tác giả (cũng như của biết bao người trong chúng ta), cho một tương lai. Còn hiện tại? Tác giả không quên ông đang ở trong cái hiện tại bị dặt của thế giới, vì ông còn nhận thấy: “Luận điệu của chính trị quốc tế hiện nay là dùng chiến tranh để đưa đến hòa bình” và ông đặt câu hỏi ráo rức: “nhưng có thể nào đạt tới điều mà mình đã hủy diệt ngay từ bước đầu?” (trang 223). Cái bị dặt trầm trọng của chúng ta là phải vùng vẫy trong một thế giới tan nát đang xô dấn bao nhiêu sinh mạng, đang bóp nát bao nhiêu cuộc đời: “Thế giới ngày nay bị khủng hoảng, những giá trị đồ vỡ, những ý thức hệ giao tranh với nhau, nạn nghèo đói, chiến tranh, nô lệ vào máy móc, nô lệ vào vật chất...” (trang 153).

Tại sao chúng ta cứ phải kéo lê mãi kiếp sống èo uột của mình trong cơ cấu bạo động của thế giới ngày nay để càng ngày càng bị bóp nghẹt thêm? Tại sao người Việt Nam cứ phải lâm than mãi trong cuộc chiến thảm hại này? Là vì — điều chúng ta ít khi tinh táo nhìn nhận như tác giả đã thấy — tất cả chúng ta đều đồng lõa với cuộc chiến tranh này, dù tham chiến hay không tham chiến. Chúng ta đồng lõa bằng cuộc sống nông cạn, bằng tình cảm yếu đuối, bằng thành kiến cố định, bằng sự bảo vệ bản ngã, bằng lý tưởng giả đạo đức, nhất là bằng tất cả sự sợ hãi, dưới đủ mọi hình thức (trang 33). Tác giả nhấn mạnh: “Sợ hãi là cơn bệnh nặng nề nhất trong mỗi người; sợ hãi là mầm mống của tất cả mọi cuộc chiến tranh; vì sợ hãi, nên phải lên tiếng, vì sợ hãi nên phải im lặng; vì sợ hãi nên phải thụ động, trốn trong tấp nập” (trang 33—34). Vậy thái độ cần thiết là phải gạt bỏ sợ hãi, “vô úy là một trong những đức tính quan trọng mà Đấng Thế Tôn đã dạy cho chúng ta” (trang 34) phải “nhìn thẳng vào chính mình”, tác giả tả — “tâm hồn thanh nhiên trước sự vật và tâm trí mở ra trước huyền diệu bí mật” — Biện pháp để thoát khỏi cái trọng lượng ghê gớm của bị dặt đang úp chụp xuống thân phận mình là “thần nhiên mỉm cười nhìn thẳng vào tất cả sự khủng khiếp rừng rợn trong đời mà không sợ hãi, vì ý thức rằng không có gì có thể xảy đến cho mình được, chỉ trừ khi mình đã đồng lõa với nó, nuôi dưỡng nó thâm kín trong tâm tư mình” (trang 34-35, tác giả gạch dưới).

Đó là thái độ của con người tôn giáo. Chỉ tôn giáo mới tạo được cho con người một tâm hồn lớn mạnh có nội dung phong phú để chống trả những bão táp từ xung quanh ập vào mình, để có thể nhận thức được nội tâm sâu xa của mình giúp mình tồn tại như thế nào: “Chúng tôi nghĩ rằng tất cả tôn giáo đều gặp nhau trên một điểm duy nhất; nhất điểm ấy chính là kinh nghiệm nội tâm, kinh nghiệm tâm linh. Trở về nhìn thẳng vào đời sống tâm linh chính là trở về nguồn gốc của tất cả sự sinh thành trong tất cả tôn giáo” (trang 101). Đó là khởi điểm của hòa bình toàn diện: “Khi chúng tôi nói đến

NGUYỄN NHẬT DUẬT



của người Tây Phương, chỉ chú trọng đến hiệu năng, hiệu quả, thúc giục sự sản xuất máy móc (trang 243-244). Tinh thần Tây phương dựa trên sự phân ly chủ khách, sự tách biệt nội giới và ngoại giới, nên bản chất của văn hóa Tây Phương là đánh giá thực tại, mà đánh giá thực tại thì biến thực tại trở thành đối tượng” (trang 219). Thế mà Việt Nam ta lại đang bị Tây Phương chi phối, đang trải qua kinh nghiệm thâm thương nhất của cuộc thử thách bằng chiến tranh làm rã rời, bằng hoại mọi giá trị và dần dần biến Việt Nam thành lệ thuộc hoàn toàn vào văn hóa Tây Phương: “Nói đến Việt Nam hiện tại là nói đến chiến tranh, nói đến sự phân hóa cực điểm và nói đến sự trụy lạc về văn hóa và phẩm giá con người” (trang 97). Như thế, ta đánh mất bản tính của ta vì bản tính của văn hóa Đông Phương là hòa điệu” (trang 222) để bám vào Tây Phương, mà “bản thể của văn hóa Tây Phương là tương tranh mâu thuẫn, hiểu theo nghĩa tính luận (ontological meaning) của Héraclite về ‘polemos’” (trang 222). Bởi vậy, chúng ta chịu cảnh chiến tranh điều tàn, mà “những giải pháp về hòa bình càng nhiều thì đó lại là nguyên nhân cho chiến tranh càng lúc càng trở nên khốc liệt” (trang 240). Vậy, chữa bệnh phải chữa tận gốc, điều cần thiết trước tiên là ta phải gạt thoát khỏi sự chi phối độc đoán của tinh thần duy cơ, duy hiệu năng, của Tây Phương, một thứ tinh thần chỉ đưa đến kết quả thảm hại do những tính toán luân quần (trang 240). Thoát khỏi cái ách của tinh thần Tây Phương để đối mặt với Tây phương hầu mong có thể bình đẳng hòa điệu cùng Tây Phương.

(*) “Trước sự nô lệ của con người” của Thượng Tọa Thích Minh Châu, Nha Tu Thư và Sưu Khảo Viện Đại Học Vạn Hạnh xuất bản, in lần thứ hai 1970, 312 trang, đề giá 250 đồng.

— hòa bình, chúng tôi chỉ nói hòa bình toàn thể, hòa bình tâm linh, chỉ có hòa bình tâm linh mới là hòa bình duy nhất làm nền tảng cho tất cả hòa bình chính trị và quân sự (trang 107). Tìm hòa bình tâm linh ở đâu để làm phương thuốc cứu mình khỏi những ám ảnh kinh hoàng của thời đại? Câu trả lời khẳng quyết: «Mà muốn đạt đến hòa bình tâm linh thì chỉ có tôn giáo mới là con đường giải thoát độc nhất cho Việt Nam và thế giới. Hòa bình tâm linh chính là sự giải phóng của con người ra ngoài tất cả tín điều, ra ngoài tất cả ý thức hệ chính trị» (trang 107). Tôi đây đã thấy rõ quan điểm của tác giả qua tiến trình tư tưởng của ông vừa được trình bày, quan điểm của tinh thần nơi người tu sĩ làm văn hóa: tôn giáo đem lại hòa bình toàn triết, khỏi từ hòa bình tâm linh, giúp con người thần nhiên không sợ hãi nhìn vào chính mình và nhìn ra thế giới mà sống.

Và cũng chính hòa bình tâm linh, sự chế ngự nỗi kinh hoàng thoáng thốt, trở thành phương châm của con người văn hóa nói chung. Từ đó, người ta mới hiểu được — theo Ortega Y Gasset mà tác giả trích dẫn —: «Văn hóa là điều tiếp lực cho con người sống một đời sống vượt lên trên bị kịch vô nghĩa hoặc vượt lên trên sự diêm nhục nội tâm của mình» (trang 64). Vậy văn hóa, sức sống được tiếp dẫn vào con người như thế đó, nó là gì? Tác giả trả lời bằng một câu khẳng quyết của Ortega Y Gasset: «Văn hóa là toàn bộ những ý tưởng có sinh khí, có sinh lực, của một thời đại» và đó là: «Sinh lực của văn hóa là dựa những ý tưởng của những thời đại khác đi đến ngang tầm mức với những ý tưởng của thời đại mình» (trang 65). Nhưng ai là người thể hiện văn hóa? Cơ sở của văn hóa ở đâu? Đây là người trí thức và Đại Học Đường. Tác giả đề nghị: «Hãy để cho Đại Học Đường làm nơi mà mỗi con người được tự do thể

hiện lý tưởng văn hóa của con người trong hướng đi của nhân tính trở về chân lý (trang 67, tác giả gạch dưới). Nghĩa là văn hóa thể hiện trong sự giáo dục, mà đại học đường là nơi toàn triển của giá trị, nếu hiểu giáo dục theo nghĩa chữ «paideia» của Hi Lạp: «Nếu hiểu «nhân tính» (humanitas) trong tất cả ý nghĩa phong phú của ý niệm «Paideia» của nền văn minh Hi Lạp, thì «nhân tính» là đồng nghĩa với hiện thân của chân lý và tự do» (trang 49). Bởi thế, giáo dục giúp con người được phát triển toàn diện, thực hiện được nhân tính phong phú của mình, đạt được chân lý và được tự do vì giải thoát mình khỏi mọi ràng buộc (hệ lụy của cuộc đời), giáo dục như vậy là sự thúc đẩy sáng tạo không ngừng, mà sự sáng tạo của con người càng làm mạnh thêm hơi thở của tinh thần mà văn hóa đem lại. Văn hóa — giáo dục — thể hiện nhân tính toàn diện, cả ba chỉ là một. Một đó là đã sáng tạo triển miển của con người trong lịch sử. Con người đại học do đó phải có tinh thần sáng tạo, động lực của mọi tiến hóa: «Có sáng tạo, văn hóa sẽ trở thành văn minh; thiếu sáng tạo, văn hóa sẽ trở thành văn nô. Tinh thần sáng tạo phải là tinh thần đại học; thiếu tinh thần sáng tạo trường đại học sẽ trở thành một nghĩa trang của những kiến thức khô cứng đóng đậy bụi» (trang 50). Bởi vì sự mệnh của người trí thức đại học, theo quan niệm tác giả, là phải «chủ động trong việc chuyển hướng văn minh nhân loại». Người đại học là người sáng suốt mở toang cánh cửa tinh thần trước cái mới mà thực sự, không chịu đóng khung trong những giới hạn của kiến thức cục bộ. Hình ảnh con người đại học như vậy chính là hình ảnh lý tưởng của con người giáo dục nói chung: «Con người giáo dục không phải chỉ là một chuyên viên kỹ thuật trong một phạm vi trí thức nhất định mà lại là kẻ phê phán truyền thống và kẻ phê phán những giá trị hiện đại» (trang 13). Người trí thức đại học phải luôn nhớ rằng «chủ hướng của tinh

thần Đại Học là phê phán và sáng tạo» và sự mạng cao cả nhất của giáo dục là «đánh thức cá thể và đưa cá thể đi trên con đường sáng tạo và phê phán», là «đánh thức tất cả những tiềm lực vô biên của một cá thể sáng tạo» (trang 18). Một nhận thức như vậy đủ cho thấy tầm mắt bao quát và tâm hồn phóng khoáng của tác giả, một tu sĩ Phật giáo đã quan niệm về tôn giáo không với đầu óc hẹp hòi cố chấp mà với tinh thần cởi mở khoan hòa vì đã khẳng định: «Chính thái độ toàn diện của con người trước hệ thống ngôn ngữ và biểu tượng của mình mới quyết định ý nghĩa của tôn giáo và ý nghĩa của công bình» (tr.78); khẳng định sáng suốt này đi đôi với 1 nhận xét tế nhị, bao dung: «mỗi tôn giáo đều có một hệ thống ngôn ngữ và biểu tượng đặc thù của mình». Vì tu sĩ đó, tác giả, đã gạt bỏ mọi tạp dị ngôn ngữ và chỉ chú tâm vào tinh thần của tôn giáo: giải thoát, của giáo dục: thể hiện nhân tính toàn diện, đề cao sáng tạo và phê phán, nên với tư cách Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, ông đã xác định lập trường rõ rệt của ông trước hiện trạng văn hóa và xã hội, đồng thời nêu rõ tinh thần của cơ sở Đại Học mà ông trách nhiệm như sau: «Chỉ khi nào ý thức và tâm thức được chuyển hóa toàn diện thì tất cả sự mâu thuẫn nội tâm và tất cả sự mâu thuẫn xã hội mới chấm dứt; chiến tranh không còn lý do tồn tại và giáo dục trở thành ánh sáng chiếu trên con đường sinh thành của văn minh nhân loại. Ý nghĩa của Viện Đại Học Vạn Hạnh là sự đánh thức mình trên con đường thiêng liêng ấy» dù rằng hiện trạng Việt Nam còn đen tối — điều ông ý thức và cảnh cáo chúng ta: «Mảnh đất Việt Nam là mảnh đất mà con người đã trải qua kinh nghiệm tang thương nhất về sự mâu thuẫn cao độ giữa sự hiện diện và sự đối diện, giữa sự đánh mất về tự tính và sự đánh mất về tha tính, giữa sự khủng hoảng của những giá trị Đông Phương và những giá trị Tây Phương». Δ

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

HY VĂN
*
HOÀNG NGỌC LIÊN
*
PHỤ TRÁCH

Giới thiệu tờ SÉT MIÊN TÂY của Sư Đoàn 21 Bộ Binh

Chúng tôi vừa nhận được SÉT MIÊN TÂY, số đặc biệt kỷ niệm 11 năm ngày thành lập Sư đoàn 21 Bộ Binh, xin hân hạnh giới thiệu với bạn đọc «sinh hoạt văn nghệ các Miền».

I Ban chủ biên

«Sét Miên Tây» Do Anh bạn Trần-Khắc-Tự Chủ trương Biên tập. Nguyễn-quang-Thuật làm Thư ký Tòa soạn. Tờ báo có sự cộng tác của:

Minh-Trai, Thái Phương, Ngy Uyên Thanh, Ninh-Thế-Hợp, Kim Tông, Hà-Thy, Trần-Thế-Tùng, Thanh-Vân, Nguyễn-Phú-Cường, Nguyễn-Tiến-Hùng, Thanh-Ngọc. Tòa soạn SÉT MIÊN TÂY đặt tại Khu-Bru-Chính 3.044.

II Hình thức

SÉT MIÊN TÂY, số đặc biệt kỷ niệm 11 năm ngày thành lập Sư đoàn 21 Bộ Binh, phát hành ngày 10-1970, in khổ 13cmx20cm, dày 144 trang

kể cả bìa. Bìa báo in 4 màu là hình ảnh một cuộc hành quân Trục Thủ Vực của các chiến hữu Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Ruột in trên toàn giấy trắng tốt gồm rất nhiều hình vẽ cho từng trang bài vở và tràn ngập hình ảnh sinh hoạt của Đại Đơn vị này. Báo ấn hành 15.000 số là một nỗ lực chứng tỏ sự cố gắng vượt bậc của bạn Trần Khắc Tự và các anh em trong ban chủ trương. Tổng quát Sét Miên Tây được chăm sóc rất kỹ lưỡng do những bàn tay đầy thiện chí lo liệu và điều chúng tôi ghi nhận thêm là toàn thể 142 trang báo, hầu như không có lỗi về chính tả.

III Nội dung

SÉT MIÊN TÂY gồm 2 phần chính

1. — Phần sinh hoạt nội bộ
2. — Phần sáng tác Văn Nghệ.

Trong phần sinh hoạt nội bộ, có Nhật lệnh của Chuẩn tướng Tư lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh kiêm Tư lệnh Khu 42 Chiến Thuật gửi quân sĩ các cấp nhân kỷ niệm 11 năm thành lập Sư đoàn (1-6 năm 1970). Bài của Đỗ Duy Chương viết về «Sư đoàn 21 Bộ binh: 11 năm chiến đấu và xây dựng». Bài của Nguyễn quang Thuật viết về «Những đơn vị và địa danh sáng chói» giới thiệu các đơn vị thuộc Sư đoàn 21 Bộ binh. Ngoài ra là những trang phóng sự hình ảnh của Kim Tông.

Trong phần sáng tác văn nghệ có các phóng sự: 800 ngày xa cách của Hoàng Quân, Lửa cháy U Minh của Mai Hòa.

Truyện ngắn có:

Lệ của Ngy Uyên Thanh.

Hoa Kẽm Gai của Thảo Kịch.

Vùng Kỳ Niệm của Trần Thu Ngân.

Thơ:

Phiên gác đêm hưu chiến của Ninh Thế pHy.

Sư đoàn 21 mười một tuổi của Ninh Thế Hợp.

Từng người lính Bộ binh của Hà Thy.

Một ngày trong mai sau của Dương Hữu Bá.

III Sáng tác trích đăng

VÙNG KỶ NIỆM

của TRẦN THU NGÂN

Những kỷ niệm, những thương yêu rất rào rạt trở về với tôi trong buổi học sáng nay vào 2 giờ Lý Hóa, khi nhìn đoàn xe nhà binh chạy dài trên phố vắng...

Hôm ấy tôi cùng các bạn đang chú tâm vào bài toán. Ôi chao thật là khó!.. Không khí lúc đó thật im lìm khó thở... thì có hai Sĩ quan đại diện Phòng Tâm Lý Chiến Sư Đoàn 21 BB và thầy Hiệu trưởng vào lớp, ngỏ ý với cô nhờ một số nữ sinh đi chèo vòng hoa, nhân ngày kỷ niệm thành lập Sư đoàn 21 BB và cũng là ngày mừng chiến thắng của Sư đoàn. <

CƠM THẮNG Ở BLAO

TẠI SỐ 71 ĐƯỜNG TỰ DO, NƠI CAO MÁT, GẦN NHÀ HÀNG NAM HUỆ, TRUNG TÂM THÀNH PHỐ

KHAI TRƯƠNG 1-8-1970

(xin ghi tên trước)

dù nhà quán rất đông sơ và bàn ghế có vẻ xiêu vẹo, xin các bạn vững lòng vì ở đây dùng toàn thực phẩm tinh khiết bậc nhất với hai hạng 3.500\$ và 4.500\$ do chính đầu bếp tiên thiên Nguyễn Đức Sơn (có mần thơ nữa) đi chợ, nấu nướng và rửa chén rất sạch sẽ để phục vụ các bạn một cách tốt đẹp nhất

XIN LƯU Ý:

— ngoài các món thông thường như cari, raguot... đặc sắc, các bạn sẽ luôn luôn hài lòng với những món ăn dân tộc như mấm nếm, mấm cà... tuyệt hảo chờ từ biển Ninh Chữ và Nại len.

— trừ vài thứ thuốc hút, quán không bán các thứ rượu, lave, nước ngọt và cũng không nhận xách com đến nhà.

— riêng quý bạn ăn trường chay hoặc theo phương pháp của đại thánh y Ohsawa sẽ được tiếp đãi đặc biệt.

CÁI CHẾT DƯỚI MẮT CÁC THÍ SĨ

(tiếp theo trang 11)

Tâm sự này thi sĩ Đồng phương hay Tây phương cũng đều đồng điệu với cùng cảm thông sự ngắn ngủi của đời người, sự bất trắc của hình hài. Nỗi nhớ thương, sự nuối tiếc đó đã làm thi sĩ thốt nên những lời than trách vu vơ. Ta hãy nghe Gilbert bày tỏ :

*Au banquet de la vie, infortuné convive
J'apparais un jour et je meurs
Je meurs et sur la tombe où lentement
j'arrive
Nul ne viendra verser des pleurs.*

Là hực khách đau thương trong tiệc sống

Ta hiện ra một lúc để chết thôi
Ta chết rồi, bên nấm mồ trơ trọi
Không người mò đến nhỏ lệ đầy vơi.

TRẦN THANH MẠI dịch

Ồi, thi sĩ vốn là nỗi tình !
thương yêu cuộc đời, thương yêu con người hơn tất cả ai hết. Thi sĩ đã thờ than, đã xót xa trước bất cứ một sự phũ phàng nào, bất cứ một cuộc sinh lý từ biệt nào của người đời chứ không riêng đối với người yêu. Vì không ai thương cuộc đời bằng thi sĩ, nên thi sĩ đã khóc con người lia bỏ trần gian. Trong quang cảnh một buổi chiều đông lạnh lẽo, khi cô xe tang chở linh cữu con người về nơi an nghỉ ngàn thu, thi sĩ đã thương cho hồn người phải buồn, đã cảm nỗi cô đơn xa lạ của người khi phải rời bỏ không gian cư ngụ của mình, khi phải xa lia chốn ở, nơi nằm đã từng với người biết bao năm thân mật :

*«Ai chết đó? Trục quay và bánh dầy,
Xe tang đi về tận thế giới nào?
Chiều đông tàn, q h xuống tự trời cao,
Không lửa ấm, chắc hồn buồn lả đó,
Thê lương sao mà ai dành lia bỏ
Trần gian sao? Đây thành phố đang quen.*

Ồi ! Trần thế từ nay xa vắng bóng người. Nỗi nhớ thương luyến tiếc của người thân yêu có ghi lại được chút nào không — đối với kẻ ra đi — hình ảnh yêu quý của cuộc đời ? Ta hãy nghe Huy Cận tiếp tục diễn tả nỗi thương cảm đó bằng những vần thơ thật nào lòng :

Và ngơ ơ ! đi nhíp dầm, chớ nhay
Kéo thân đau, chưa quên nệm giường đời.

*Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi;
Chớ quay lại nửa đường mà làm tội,
Người đã chết... Một vài ba đầu củi,
Dầm bảy lòng thương xót đến bên mồ
Đỡ cho hồn khi sắp xuống hư vô
Còn được thấy trên mặt người ăm ắp
Hình dáng cuộc đời từ đây xa lữ !*

HUY CẬN

Tâm tình trên đây chỉ là một lối nhìn của Thi sĩ đối với cái chết trong trường hợp thông thường của một thời đại không có gì đáng chú ý, khi mà chuyển đi cuối cùng của con người trên đường Dương thế cũng vẫn còn có xe, có ngựa, vẫn còn có «dầm bảy lòng thương xót» tiễn đưa. Cái chết sẽ mang nhiều ý nghĩa khác nhau hơn, nào nề hơn đối với nhà thơ khi con người vất vưởng trong cảnh đời loạn lạc, đối khổ đầy những oan trái bất công. Chúng ta, có nhiều người đã được chứng kiến và hẳn chưa quên những cái chết thê thảm của đồng bào nghèo trong nạn đói khủng khiếp hồi năm 1945 ở Bắc Việt. Nạn đói này đã tiêu diệt hai triệu người, và ở nhiều nơi kẻ còn sống đã ăn thịt người chết để lấy lấy thêm một thời gian nữa, mặc dầu xác chết lúc đó chỉ còn là da bọc xương.

Thi sĩ Văn Cao đã nói về những cái chết đau thương của một thời đen tối đó của đất nước Việt Nam.

Trong bài thơ «Chiếc Xe Xác Qua Phưởng Dạ Lạc», ông đã vẽ lại cảnh chiếc xe chở đầy những thây ma đói, đi trong đêm khuya mưa lạnh, qua mặt phố hồng lâu :

*Ngã tư nghiêng nghiêng đêm lửa
Chập chờn ảo hóa tà ma
Đôi giấy hồng lâu cửa mở phẫn sa
Rũ rượi tóc những hình hài Địa Ngục
Lạnh ngắt tiếng ca nhi phách giục
Tình tan nhíp gõ khốc đàn sương
Áo thể hoa rũ rượi lượn đêm trường
Từng mỹ thể rạc hơi dền thể
Ta đi giữa đường đương thể
Bóng tối âm thầm rụng xuống chân cây
Chiếc xe ma chở vội một đêm gầy
Xác trụy lạc gục trên thềm là phủ
Ai hát khúc Thanh Xuân hờ ơ !*

Thanh Xuân hờ Thanh Xuân
Bước gần ta, bước nữa thêm gần
Khoảng giữa đời trai nghe loạn trùng
hút tủy
Ai hủy đời trai trên tang trống nhĩ
Hay ác thần gõ quách nạo mồ khuya ?
Những rung động của thi sĩ trước cái chết trong trường hợp này,

không còn là những cung đàn «đòn thức, trầm lắng ; mà nó là những tiếng gào khóc chất chứa, thiết lèn, đập tung ra, xô tan từng mảnh cái sa hoa và cái đau thương của kiếp người. Thi sĩ lúc đó là một quan tòa, và những lời thơ là bản án nghiêm khắc buộc tội xã hội con người. Trong thời loạn lạc đói khát, số phận con người mong manh, mạng sống như rác rưởi. Con người chết không kẻ xót xa thương khóc, chết đói rét bên cạnh những phần son, dọ lạc của kẻ khác. Những cái chết như vậy là một ám ảnh ghê gớm đối với thi sĩ. Văn Cao đã gào lên tiếng khóc, không những đối với người đã chết mà còn cho cả người sống, đang hủy dần đời mình trong trụy lạc sa hoa :

*Kiếp người tang tót
Loạn lạc đời nơi xương chất lên xương
Một nửa kêu than ma đói sa trường
Con một nửa lang thang tìm khoai lạc.
Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khuất Công Yên
Thấy bằng khoảng lối có hư huyền
Hương nhả phien chập chùng mộng ảo
Bánh nghiền nhừ đường nghe sào sạo
Ai vạc xương đất sọ xuống lòng xe?
Chiếc quỹ xa qua bốn ngã về chề
Chờ vận kiếp đi hoang ra khỏi vực.*

«Vận kiếp đi hoang ra khỏi vực» ấy sẽ trở thành những cô hồn vất vưởng không nơi nương tựa ở cõi âm. Chúng ta lại chợt nhớ đến thơ Chiêu Hồn của Thi hào Nguyễn Du. Trong tác phẩm đầy vẻ thần linh, kỳ ảo này. Nguyễn Du đã nhờ lệ thương khóc cái «Thế giới bên kia của những cô hồn đau khổ bằng tất cả tấm lòng nhân đạo của mình :

*Trong trường dạ tối tăm trời đất
Cô hồn thường phảng phất u minh
Thương thay thập loại chúng sinh
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh què*

Với tấm lòng từ bi của đức Phật, nhà thơ lớn của Dân Tộc đã nhờ Pháp pháp nhiệm mầu làm phương thuốc cứu độ chúng sinh.

Nguyễn Du đã mời gọi tất cả các cô hồn từ tất cả mọi nơi nương náu đến đàn Chấn Tế. Lời thơ chiêu niệm của thi sĩ như có thần lực làm cho những hồn thiên cô lần lượt sống lại, dựng họ lên, đẩy họ đi, dập diu lủ năm lủ bảy ngay trước mặt chúng ta :

*Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hở siêu phách lạc biết đâu bây giờ ?
Hoặc là ăn ngang bờ dọc bụi ;
Hoặc là nương ngọn suối chán mây
Hoặc là điếm cỏ bóng cây ;
Hoặc là quán nọ cầu này bơ vơ ;*

*Hoặc là nương thân từ Phật tự ;
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông ;
Hoặc là trong quãng đường không ;
Hay nơi gò đồng, hoặc vùng lau tre...
Sống đã chịu một bề thân thiết
Ruột héo khô, da rết cặm cặm !
Dãi dàu trong mấy muôn năm,
Thờ than dưới đất, ăn nằm trên sương !
Nghe gà gáy, kiếm đường lánh ăn ;
Lặn mặt trời, lặn thân tìm ra ;
Lời thời đồng trẻ giết già !
Cớ khôn thiêng nhể lại mà nghe kinh !*

Những linh hồn đó lúc còn sống ở Dương trần là những người nào ? Chúng ta hãy theo gót Nguyễn Du đi vào cái thế giới «âm huyền mờ mịt» đó, để bắt gặp từng người :

Nào những kẻ chí lớn «dầm cật gánh non sông» gặp «khi thế khuất vận cùng» phải chết để rồi trở thành những «quỷ không đầu đứng khóc đêm mưa». Những «kẻ mần lan trưởng huệ» gặp «phen thay đổi sơn hà», đã phải chịu cảnh «khi nhắm mắt không người nhứt xương». Những kẻ «bài binh bố trận, khi thất thế tên rơi đạn lạc». Những kẻ «lĩnh đường tri phủ» phải chết trong cảnh «hòm gỗ da, bó dóm đưa đêm». Những «kẻ rắp cầu chữ quý» khi chết phải «liệm sắp chốn nghiêng». Những «kẻ mắc vào khóa lính» phải «đạn lạc tên rơi», những người «buôn nguyệt bán hoa», những «đoàn từ rạc», những tiểu nhi «lỗi thời sinh». Tất cả những kiếp người này chết đi đều «hồn siêu phách lạc», đều trở thành những cô hồn vất vưởng lơ vơ.

Thiết tưởng trong những thơ văn kim cổ nói về cái chết, chưa có một áng thơ nào truyền cảm đến độ ghê rợn — tựa như những lời chú ma quái — bằng Thơ Chiêu Hồn của Nguyễn Du. Mỗi câu thơ đã là một nhíp cứu chữa cảm làm cho ÂM DƯƠNG dung hợp. Lòng từ bi cứu khổ cứu nạn của Phật được thể hiện trong Thơ Chiêu Hồn như tỏa ra từng chữ, từng vần. Nguyễn Du đã cầu nguyện cho chúng sinh và cho tất cả chúng ta :

*Nam mô chư Phật, Pháp, Tăng
Độ cho nhất thiết siêu thăng linh hồn.*

Thân phận con người ở Dương trần là cô đơn mà khi chết đi hồn cũng lạc lõng ở Âm phủ. Địa ngục trần gian này có khác gì Địa Ngục Âm phủ ! Cái chết là một giải thoát, một thành công của con người ? Hay nó là một thua cuộc của con người ? Quan niệm đó tùy ở mỗi thi sĩ nhìn đời một cách khác nhau. Mỗi nhà thơ như vậy cũng là một triết gia, và thi ca cũng đồng hóa với Triết lý. Thi ca chỉ là một thể hiện văn vẻ, hoa mỹ của Triết lý. <

thành phố..!

tiếp theo trang 7

Có những người dân nơi thành phố này bây giờ cảm thấy thích thú khi được chụp một bức ảnh màu vào ngày cuối tuần tại một công viên rộng bằng bàn tay, hoặc khi đứng ngắm hàng giờ một cái bồn nước nơi ngã tư đường.

Vô tình, người dân đô thị đã đi đến chỗ tiết dục lạc thú ; những mẫu hạnh phúc trở thành khiêm tốn, đơn sơ.

Ở đầu đó, khi viết về một thành phố, một người đã để lại câu như sau : « — thứ tình mà người ta dành cho một đô thị, cũng như mọi tình yêu khác, là nhíp rung cảm của con tim hơn là trí

suy luận của đầu óc, và chiều sâu cũng như sự bền bỉ của thứ tình đó, như mọi tình yêu khác, là một sự cộng gộp những kỷ niệm» (1). Từ một nơi nào đó, một quãng đường nào đó trong thành phố này, những đổi thay của hoàn cảnh và cuộc sống đã đập tắt rất nhiều mỹ cảm nơi những tấm lòng yêu cái đẹp — chỉ một cái đẹp thật khiêm tốn, thật bé nhỏ ; chỉ một cái đẹp thoáng qua vào một mùa, một ngày, một giờ..

Người ta đã đồn đi biết bao những cây cao, những hàng phượng vĩ để sửa lại và mở rộng những con đường. Tôi nhớ lại lịch sử của thành Pompei bị chôn vùi dưới lớp phún thạch trong thời cổ.

Một đô thị, một lớp người không phải chỉ có

thể bị chôn vùi bởi chất phún thạch vương lên từ lòng đất. Δ

(1) — «The love of a city, like any love, is of the heart rather than of the mind, and the depth and permanence of that love, like any love, is a sum of memories»

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MỘT MÙA TÓC MỘ
Thơ HUY TƯỜNG

DẠ SẦU (GD).— Cảm ơn ý kiến bạn về tờ KH những số sau này, kể từ số 55, chúng tôi đang trên đà nỗ lực tăng.

NG MẠNH HÙNG (QL-NT).— Nếu tìm được thanh thi thơ để làm rồi. Nghe đến chuyện giải ngũ lúc nào là Hùng yêu đời lắm. Chúc may mắn nhé. Cảm ơn lá thư thân mật. Thơ đang đọc.

NG VIỆT DUẬT (KBC 4091).— Bệnh gì mà trầm trọng thế. Bệnh nặng, không nên cầm bút. Đã nhận được thơ, ở lá thư khác.

NG TẤN BÌNH (KBC 4100).— Anh Từ Hoài Tấn mới vào trong đó, cũng chẳng rõ khóa mấy. Anh cứ viết gửi về cho KH.

THẠCH NHÂN.— Đã nhận được.

VÕ TẤN THỜI (KBC 4012).— Đã đọc vở kịch của ông. Và cả thơ nữa thật khó khăn không biết trả lời sao trước sự làm việc đáng kể của ông, nhưng những bài ông gửi không thích hợp với KH.

NGUYỄN DỤC (PT).— Hèm anh đến tòa soạn là lúc V.L. đang trên đường ra Phan Thiết. Già nửa đường có người coi cho què bới xấu, nên lại tới Phương Bối Am của T.T. Nhất Hạnh chơi, mà chẳng thấy đâu cả.

TỔNG CHÁU AN (Huế).— Bài Nhất Linh chậm quá. Khi viết những dòng này thì chỉ còn mỗi trang cuối này. Cứ để đấy. Cái việc kia ít hy vọng lắm. Bài về còn gửi cả.

PHẠM CHU SA (QN).— Cảm ơn lá thư góp ý kiến của bạn về tờ báo. Độ sau này nhiều nơi cho biết không mua được KH, hoặc mua chậm thì hết, chúng tôi chỉ còn cách lưu ý nhà phát hành. Các báo bây giờ đều tăng giá mà số trang vẫn giữ nguyên (như Văn Đê, Văn, Bách Khoa) cho nên KH 16 trang trong có 4 trang

màu mà giá 20đ là rẻ nhất bây giờ (mấy tờ cùng khuôn khổ với KH. ít hơn 4 trang, cũng đã bán 20đ, mà tăng trang để tăng giá lại chưa dám. Về thơ, chúng tôi không còn đủ trang để đăng nhiều. Bạn nói đúng, Thơ ở KH không chọn theo khuynh hướng nào hết, chủ quan thấy hay thì đăng. Cái đoán văn ở lá thư sau còn đọc.

NGỌC THÙY KHANH (Đà Lạt).— Ở ĐL cũng ít thiếu báo nữa. Không hiểu ra sao cả. Để xem lại. Đó là loạt bài viết về Thành Phố khởi sự từ số này. Viết cho Nguyễn Tôn Nhân, cứ viết về KH. Nhân thỉnh thoảng lại. Anh Thanh Tâm Tuyên từ tuần này sẽ dời lên Đà Lạt, làm việc ở trường Võ Bị, đúng như anh biết.

NGÃ DÀ TRIỀU (KBC 3328).— Bạn có thể gửi cho thêm vài bài thơ nữa. Bài trước có thể đăng.

NGUYỆT (Cần Thơ).— Sở dĩ trích đăng Thơ Thâm Tâm là vì KH số đó đặc biệt về người thi sĩ quê có này. Không thể trích đăng nữa như cô yêu cầu.

TRẦN VĂN SƠN (Tỉnh Linh).— Sẽ liệu cái bài đó. Toàn ở những nơi hẻo lánh nuôi nòng thế. Văn lui hui quán cóc.

DUYÊN HẢI (KBC 4506).— Còn kịp cái bài về thành phố. Tình trạng viết lịch khó khăn là thường. luôn luôn người cầm bút gặp phải chữ lâu lâu gì. Ráng đăng sớm.

LÊ ĐÌNH (GD).— Đã nhận được bài ông. Cảm tạ lá thư của ông.

NGUYỄN CỬU THANH.— Bài sẽ đăng. Anh cứ gửi tiếp cho.

VIỆT THU (PL).— Cũng biết ngay là lần thứ hai, sau hai NKC thì phải. Mỗi gặp anh Cao Huy Khanh, có chuyện lời hỏi thăm trên lá thư. Tại sao lại không tới? Mường mán đúng là tên đó nhưng Cao Thuyết Châu không phải có tên thật như cô đã biết. Tên thật anh chàng là C.D.V. Truyện ngắn bạn đọc có nhuận bút, kể từ lần đăng thứ hai.

HOÀI ZIANG DUY (KBC 3084).— Đang đọc bài anh, nhất là bài thơ "Một giọt Nắng...". KH vẫn dành chỗ đăng những sinh hoạt văn nghệ các anh em ở xa.

THÁI HOÀN CẦU (Tây Ninh).— Có thể như điều anh nói chứ. Cảm thấy điều anh muốn nói nhằm vào đâu. Sơ sót đó của người chọn không phải của ấn công. Nhưng có lẽ dưới 1 nhan đề khác. Cảm ơn đã nhắc trường hợp U.C.V. Nhiều lúc quên là lâu quá rồi. Cảm ơn ý kiến của anh trong lá thư. Mấy bài thơ của anh, bài Lạc Phút Mè Cung có mấy câu hay, nhưng không thể đăng được. Sở dĩ trả lời "Đang đọc" là vì mới đọc một lần, chưa muốn quyết định ngay, sợ nhầm lẫn.

TRẦN KIẾN THẢO (KBC 4968).— Nhiều việc quá, xoay trở rất vội vã. Sẽ ráng để anh hài lòng.

HỒ VĂN DƯƠNG (Tam Kỳ).— anh đừng gửi những bài đã gửi rồi, vì như thế rất dễ nhầm lẫn, gây cho người chọn bài cái cảm tưởng đã đọc ở đâu rồi. Trong số những bài mới của anh, có hai ba bài tòa soạn giữ lại, để đọc lại lần nữa, chưa thể thư riêng được. Ở Tam Kỳ có Thành Tôn đó.

ĐẶNG TẤN TỚI (BD).— Vào Sg, ghé chơi. Cái truyện sẽ đọc sớm.

NHÂN TIN

LƯU HUỲNH TRUYỀN (Đà Lạt).— Sẽ làm việc đó cho họa sĩ. Sẽ gửi báo đều từ nay.

LÊ VĂN NGÂN.— Làm thơ khó quá, nhưng anh thấy, sẽ đăng "VTE".

NGUYỄN HỮU NGHĨA (địa chỉ mới) 38 Huỳnh công Giảng TÂY NINH.— Muốn liên lạc bạn bè cũ ngoài trung.

KIM NOUVEAU.— 43 Kim Sơn Nha Trang. Một người bạn chúng tôi ở báo Tiền Tuyên có chuyển bài "Hòa Tấu Khúc Pathétique của Tchaikovsky" của VNAN Hành Hương. Nếu không có gì trở ngại về phía tác giả, KH sẽ đăng bài này trên một số báo gần đây. Trong khi đó chúng tôi hy vọng được liên lạc với ông, hoặc tác giả. Xin cho tin.

ĐẶNG TẤN TỚI.— Hợp thư lưu trữ, Ty Bưu Điện An Nhơn,

Bình Định, là địa chỉ mới để liên lạc với thân hữu. (ĐTT)

Ng. Bắc Sơn — Lê v. Chính — Từ Thế Mộng: Ra gần đến r. an Thiết thì có người kéo đi chỗ khác. Hẹn gặp một ngày khác vậy.

HUỲNH THANH TÔNG (?).— Được về trước rồi quên anh em sao? Mong tin lắm. Thư gửi về: Ty Tiểu học Tuy Hòa (Trần Huyền Ân).

ĐANG ĐỌC

Bùi v. Bình — Trần Bách Thủy — Thủy Miên — Trần Chu Đăng — Phan trảng Anh — Trần Miên Kha — Trần thị Tuyết — Ng Hữu Hạ — Lê Hoàng Viên — Ng Hoàng Lê — Hồng Khuê — Hoàng Hà — Nguyễn Tùng — Sa Anh — Nguyễn Nguyên Như — Tô Minh Khanh — Vũ Hữu Đình — Bùi Đức Chính — Vương Doãn Chi — Nguyễn Cửu Thanh — Lâm Hải Dũng — T.Q. Hàn Thạch (văn) — Võ Chân Cửu — Dạ Huyền — Lê Thủy Hà — Vũ Đức Sao Biển — Lâm Hải Dũng — Trần thị Tuyết — Tô Nhượng Châu — Trần miêng Kha — Bùi Đức Chính — Vương Phú Du — Hà Thành Tự — Nguyễn văn Viện — Hồng Hà — Nghệ Việt Long — Đỗ Quang — Du Lê H — Ng Vương Tôn (ngày rồi xa)

KHÔNG ĐĂNG

Hiền Ph — Châu Rim Th — Bạch D — Hoàng H — Linh Kh — Dạ điển D (2) — Lộc V — Hoa Lâm VL — Trần Phú T — Nguyễn Ngọc P — Lê Từ N — Nhật D — ... (gia tài quê hương) Thư Châu Đ — Ng th XNữ — Hàn Coeur — Ng Việt Th — Vũ A.S — Vương Ca — Biên trâm I — Phạm trích T — Triều đăng Th — Ng dạ T — Huy Tâm — Ng đức Tr — Lê Hoàng Ng — Ng Minh Ch — Phan hoai Th — Sơn L — Hằng H — Nhị Ng — T.Q. Hàn Th (thơ) — Dạ H (thơ) — M Yên Th — Trần Hoài M — Lê Hoài M — Phan Hoài Th (Những Đoạn Tinh Rời) Vương Bông A — Lê Kha N — Triều Ph — Thy Linh Th — Đoàn Dg — Nguyễn Vạn L — Hàn Mặc H.A — Hồ Ly T.T — Hồng D — Lê ng L — Lê Thủy H — Thanh Hoài M — KT — Bùi như A.T — Thương Nhật H — Vĩnh X—

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đơn bả

THÊM TAY THÊM CHÂN

Thuận có cô em vợ rất đẹp. Anh ta muốn tìm tòi lắm nhưng không tìm được.

Sau đó cô ta kết hôn với một người cùng làng tên là Khánh. Lấy nhau ít lâu, Khánh đi buôn bán nơi xa, mang bầu ở nhà.

Cơ hội tốt cho Thuận đã tới. Với giọng thật nghiêm nghị, anh ta bảo cô em vợ:

— Chết chưa! Sao đi mới có bầu lại để cho chú ấy đi vắng xa như vậy. Biết lấy ai thêm tay thêm chân cho cái thai bây giờ? Tôi e rằng sau này đứa bé đẻ ra sẽ bị thiếu tay thiếu chân đó.

Cô lo sợ lắm và cuối cùng Thuận được nhờ làm cái công việc thêm tay thêm chân cho đứa bé.

Mấy tháng sau, Khánh trở về, rồi cô vợ sinh hạ một đứa con trai kháu khỉnh. Anh chồng thích lắm, hôn hít hoài.

Người vợ trách chồng:

— Thằng bé kháu thật, nhưng anh phải cảm ơn anh Thuận mới phải. Anh quả là vô tâm! Ai đời vợ mới mang bầu mà lại bỏ đi. Không có anh Thuận giúp cho thì bây giờ thằng bé không có tay, không có chân, chưa biết chừng không có cả đầu nữa.

Nghe vậy, Khánh nghĩ người vợ và quyết tâm sẽ trả thù cho bằng được.

Mấy hôm sau, Thuận đang cày ruộng ở cách nhà anh ta không xa. Khánh đến giả bộ hỏi mượn cái cuốc.

— Chú cứ về nhà bảo nhà tôi đưa cho.

Khánh vào nhà Thuận và nói với người chị vợ:

— Trong lúc tôi đi vắng, anh ấy đã ngủ với vợ tôi. Nay anh ấy thuận để tôi... với chị mới lần cho huê.

Vợ Thuận không tin. Khánh bên gọi với ra ngoài đồng:

— Anh Thuận ơi! Chị ấy không chịu anh à!

Anh chồng gắt to.

— Tại sao em lại không chịu? Có chuyện vật ấy mà em cũng làm khó làm khổ!

Cô vợ đành nghe theo lời chồng. Khi biết bị lừa, Thuận xách dao đuổi Khánh khắp làng. Anh này vừa chạy vừa kêu:

— Thế là chúng ta huê! Trước đây anh đã thương con tôi, không muốn cho nó ra đời thiếu tay thiếu chân thì bây giờ anh cũng đừng làm cho nó mồ côi chứ.

Thuận nhận thấy em về nói có lý, bèn chịu huê. (V của Phạm Nguyễn Huy).

THÂN MẾN TẶNG ANH

Tại quận cảnh sát người ta đang thăm vấn một tên du đảng vì khám thấy trong túi một chiếc lắc vàng nửa lạng không giấy tờ.

— Thưa ông cảnh sát trưởng tôi không ăn cắp chiếc lắc này. Tôi bắt được khi đang đi trên đường cái.

— Tôi cũng tin lời anh. Nhưng tại sao khi bắt được anh không đem trình ngay tại ty?

— Thưa ông cảnh sát trưởng tôi cũng định làm như vậy, nhưng ông thử coi những giòng chữ khắc trên chiếc lắc này coi: "Thân mến tặng anh, người em yêu quý suốt đời."

TÔI KHÔNG THẤY

Một khách bộ hành vội vã đi trên đường. Ông dừng phải một người mù. Ông vội vã xin lỗi:

— Xin lỗi cụ, tôi không trông thấy.